



TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 296/2021/CV-TGD-VINGROUP

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức: **TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP**
- Mã chứng khoán: **VIC**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội**
- Điện thoại: **(84 24) 3974 9999**
- Fax: **(84 24) 3974 8888**
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Việt Quang**
- Chức vụ: **Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Loại thông tin công bố: ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:

Ngày 24/6/2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) đã thay mặt Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) ký ban hành Biên bản và Nghị quyết **ĐHĐCĐ** thường niên năm 2021 của Tập đoàn Vingroup.

Cùng ngày, **HĐQT** nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm 09 thành viên được **ĐHĐCĐ** thường niên 2021 bầu ra đã tiến hành phiên họp đầu tiên để bầu các chức danh, cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Nhật Vượng - Chủ tịch **HĐQT**
2. Bà Phạm Thu Hương – Phó Chủ tịch **HĐQT**
3. Bà Phạm Thúy Hằng – Phó Chủ tịch **HĐQT**
4. Bà Nguyễn Diệu Linh - Phó Chủ tịch **HĐQT**
5. Ông Nguyễn Việt Quang – Phó Chủ tịch **HĐQT**
6. Ông Adil Ahmad – Thành viên độc lập **HĐQT**
7. Ông Chin Michael Jaewuk – Thành viên độc lập **HĐQT**
8. Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco - Thành viên độc lập **HĐQT**
9. Ông Park Woncheol – Thành viên **HĐQT**.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Vingroup tại đường dẫn: www.vingroup.net, mục Quan hệ cổ đông.

Tập đoàn Vingroup

Số 7, Đường Bằng Lăng 1,

Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside,

Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội

ĐT +84 24 3974 9999

Fax +84 24 3974 8888

www.vingroup.net



25

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TẬP ĐOÀN 

Tài liệu gửi kèm:

- *Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021*



**NGUYỄN VIỆT QUANG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**



Số: 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup” hoặc “Tập đoàn”);
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Tập đoàn Vingroup ngày 24 tháng 06 năm 2021;
- Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Tập đoàn Vingroup lập ngày 24 tháng 06 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) năm 2020.
2. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn Vingroup.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (“BKS”) năm 2020.
4. Thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và BKS.
5. Thông qua tình hình tài chính năm 2020 và sử dụng vốn.
6. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020.
7. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập.
8. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Tập đoàn.
9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.
10. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT.
11. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS.
12. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
13. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
14. Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021– 2026.

HĐQT gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên thành viên HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Phạm Nhật Vượng	3.017.717.521	99,87%
2	Bà Phạm Thu Hương	3.013.371.646	99,73%
3	Bà Phạm Thúy Hằng	3.013.371.646	99,73%
4	Ông Nguyễn Việt Quang	3.013.378.746	99,73%
5	Bà Nguyễn Diệu Linh	3.013.371.346	99,73%
6	Ông Park Woncheol	3.013.361.346	99,73%
7	Ông Adil Ahmad	3.013.876.146	99,74%
8	Ông Chin Michael Jaewuk	3.013.876.144	99,74%
9	Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco	3.013.876.141	99,74%

15. Thi hành nghị quyết

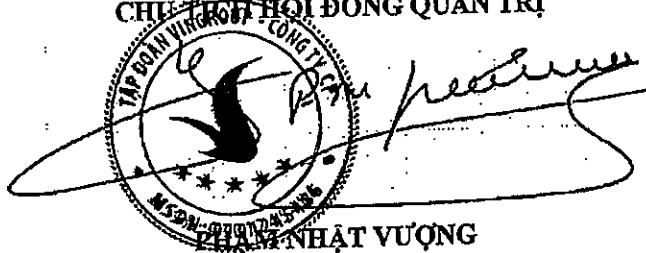
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP HCM;
- Lưu VP Tập đoàn Vingroup.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



2

15



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

- Trụ sở chính: Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101245486 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 1 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/05/2002

Thời gian và địa điểm họp: Cuộc họp bắt đầu lúc 9h00' ngày 24 tháng 06 năm 2021 bằng hình thức Hội nghị kết nối truyền hình tại các địa điểm họp sau:

- (1) Văn phòng Tập đoàn Vingroup, Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam (địa điểm chính).
- (2) Trung tâm Hội nghị Almaz, Đường Hoa Lan, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.

A. PHẦN THỦ TỤC

1. Tuyên bố lý do

Người dẫn chương trình tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup và Luật pháp hiện hành, Hội đồng quản trị ("HĐQT") Tập đoàn Vingroup triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ("Đại hội") để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

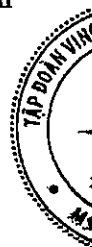
Người dẫn chương trình thay mặt Ban tổ chức công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm 9h00 phút:

- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 132 người, đại diện cho 3.020.463.285 cổ phần, chiếm 89,30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Vingroup (căn cứ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 04/05/2021).
- Theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Vingroup, Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp, theo hình thức tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Vingroup.

Vì vậy, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông Phạm Nhật Vượng – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa cuộc họp
- Ông Nguyễn Việt Quang – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



5

- Bà Nguyễn Diệu Linh – Phó Chủ tịch HĐQT
 - Bà Dương Thị Hoàn – Phó Tổng Giám đốc
 - Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng
4. Đại hội đề cử Thư ký Đại hội và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% gồm các Ông/Bà có tên sau:
- Bà Từ Thị Thanh Hà
 - Bà Lê Thị Giang
5. Đại hội đề cử Ban Kiểm phiếu và được Đại hội thông qua với tỷ lệ tán thành 100% gồm các Ông/Bà có tên sau:
- Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Trưởng Ban Kiểm phiếu
 - Ông Đỗ Minh Nghĩa - Thành viên Ban Kiểm phiếu
 - Bà Ngô Thị Nguyệt - Thành viên Ban Kiểm phiếu
 - Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Thành viên Ban Kiểm phiếu
 - Bà Đoàn Hoàng Lâm - Thành viên Ban Kiểm phiếu

B. NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. Thông qua nội dung Chương trình họp.

1. Đoàn Chủ tịch công bố và Đại hội thông qua Chương trình Đại hội (tài liệu kèm theo) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
2. Đại hội thông qua Quy chế về tổ chức và hoạt động của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 (tài liệu kèm theo) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

II. Báo cáo và trình bày các vấn đề cần biểu quyết thông qua tại Đại hội.

1. Ông Nguyễn Việt Quang – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2021 – 2026) và Danh sách ứng cử viên HĐQT (tài liệu kèm theo) (ii) Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 (tài liệu kèm theo) và Đại hội đã thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
2. Ông Nguyễn Việt Quang – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày (i) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 (tài liệu kèm theo).
3. Ông Nguyễn Thế Anh – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày (i) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (“BKS”) năm 2020 (tài liệu kèm theo) và (ii) Tờ trình phê duyệt thù lao cho thành viên HĐQT và BKS (tài liệu kèm theo).
4. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng trình bày (i) Tờ trình về tình hình tài chính năm 2020 và sử dụng vốn (tài liệu kèm theo), (ii) Tờ trình của HĐQT về phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 (tài liệu kèm theo), (iii) Tờ trình thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập (tài liệu kèm theo).
5. Ông Nguyễn Việt Quang trình bày (i) Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Tập đoàn và ban hành các Quy chế (tài liệu kèm theo); (ii) Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn (tài liệu kèm theo); (iii) Tờ trình về phương án phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (tài liệu kèm theo) và (iv) Tờ trình về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 (tài liệu kèm theo)

III. TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN:

Đoàn Chủ tịch và Đại hội đã lắng nghe các ý kiến của các cổ đông và trả lời các câu hỏi của cổ đông về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại Đại hội. Đại hội đã thống nhất các nội dung trả lời tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

IV. BẦU CỬ, BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ.

1. Trường Ban Kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đến thời điểm 9h30 phút.
 - Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và thông qua người được ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là 146 người, đại diện cho 3.021.668.442 cổ phần, chiếm 89,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường Ban Kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bầu cử HĐQT nhiệm kỳ mới và biểu quyết các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.
3. Đại hội tiến hành bỏ phiếu.
4. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả
- 4.1. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới (2021 - 2026).
 - Tổng số Thẻ bầu cử phát ra: 146 thẻ, đại diện cho: 3.021.668.442 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
 - Tổng số Thẻ bầu cử thu về: 142 thẻ, đại diện cho: 3.021.124.434 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, trong đó:
 - Số thẻ hợp lệ: 141 thẻ, đại diện cho: 3.019.332.043 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,92% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Số thẻ không hợp lệ: 1 thẻ, cho: 1.792.391 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Kết quả kiểm phiếu bầu cử như sau:

STT	Họ và tên thành viên HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Phạm Nhật Vượng	3.017.717.521	99,87%
2	Bà Phạm Thu Hương	3.013.371.646	99,73%
3	Bà Phạm Thúy Hằng	3.013.371.646	99,73%
4	Ông Nguyễn Việt Quang	3.013.378.746	99,73%
5	Bà Nguyễn Diệu Linh	3.013.371.346	99,73%
6	Ông Park Woncheol	3.013.361.346	99,73%
7	Ông Adil Ahmad	3.013.876.146	99,74%
8	Ông Chin Michael Jaewuk	3.013.876.144	99,74%
9	Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco	3.013.876.141	99,74%

4.2. Kết quả biểu quyết các báo cáo, tờ trình tại Đại hội:

- Tổng số Thẻ biểu quyết phát ra: 146 thẻ, đại diện cho: 3.021.668.442 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Tổng số Thẻ biểu quyết thu về: 143 thẻ, đại diện cho: 3.017.992.702 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, trong đó:
 - Số thẻ biểu quyết hợp lệ: 141 thẻ, đại diện cho: 3.009.776.166 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Số thẻ biểu quyết không hợp lệ 2 thẻ, đại diện cho: 8.216.536 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,27% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

(Chi tiết kết quả kiểm phiếu từng nội dung biểu quyết được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 do Trưởng Ban kiểm phiếu đọc tại Đại hội).

V. CÁC NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.776.066 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

2. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình của HĐQT.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.776.066 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.007.323.543 cổ phần, chiếm 99,65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

4. Thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và thành viên BKS theo Tờ trình của Hội đồng quản trị

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.006.908.832 cổ phần, chiếm 99,63% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

5. Thông qua tình hình tài chính năm 2020 và tình hình sử dụng vốn theo Tờ trình của HĐQT.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 2.991.985.572 cổ phần, chiếm 99,14% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

6. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020 theo Tờ trình của HĐQT.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.480.156 cổ phần, chiếm 99,72% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

7. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập theo Tờ trình của HĐQT.

Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 2.995.834.871 cổ phần, chiếm 99,27% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

8. **Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Tập đoàn theo Tờ trình của HĐQT.**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.700.366 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
9. **Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn theo Tờ trình của HĐQT.**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.776.066 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
10. **Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT theo Tờ trình của HĐQT.**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.776.066 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
11. **Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình của HĐQT.**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.776.166 cổ phần, chiếm 99,73% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
12. **Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình của HĐQT.**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 3.009.061.060 cổ phần, chiếm 99,70% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
13. **Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Tờ trình của HĐQT**
Nghị quyết này được thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 2.977.155.980 cổ phần, chiếm 98,65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
14. **Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021– 2026.**
HĐQT gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên thành viên HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Phạm Nhật Vượng	3.017.717.521	99,87%
2	Bà Phạm Thu Hương	3.013.371.646	99,73%
3	Bà Phạm Thúy Hằng	3.013.371.646	99,73%
4	Ông Nguyễn Việt Quang	3.013.378.746	99,73%
5	Bà Nguyễn Diệu Linh	3.013.371.346	99,73%
6	Ông Park Woncheol	3.013.361.346	99,73%
7	Ông Adil Ahmad	3.013.876.146	99,74%
8	Ông Chin Michael Jaewuk	3.013.876.144	99,74%
9	Ông Ronaldo Dy-Iiaco Ihasco	3.013.876.141	99,74%

8

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Biên bản này được Ông Nguyễn Việt Quang – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đọc tại Đại hội và được các cổ đông tham dự biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành là 100%.

Đại hội bế mạc vào hồi 11h00' cùng ngày.

Chủ tọa và Thư ký cam kết về tính chính xác, trung thực của nội dung Biên bản và cùng ký tên dưới đây

Thư ký cuộc họp

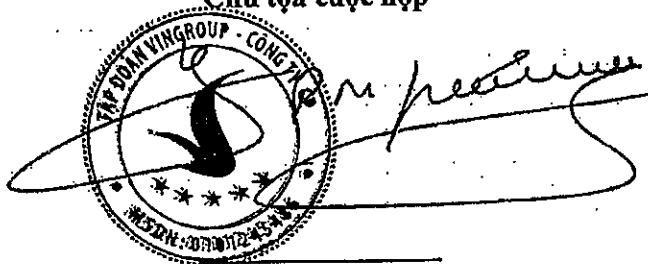


Từ Thị Thanh Hà

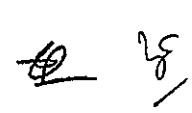


Lê Thị Giang

Chủ tọa cuộc họp



Phạm Nhật Vượng





CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Thời gian	Nội dung chi tiết	Chủ trì
08h30 – 09h00	Đăng ký đại biểu tham dự cuộc họp và phát tài liệu	Ban Tổ chức
09h00 – 09h05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	MC
09h05 – 09h10	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp	
09h10 – 09h15	Khai mạc cuộc họp, Chỉ định Thư ký và Bầu Ban Kiểm phiếu	Đoàn Chủ tịch
09h15 – 09h20	Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	
09h20 – 09h40	Thông qua chương trình họp	Đoàn Chủ tịch
	Thông qua Tờ trình bầu Hội đồng quản trị (“HĐQT”) nhiệm kỳ 2021 – 2026 và Quy chế bầu cử HĐQT	
	Hướng dẫn và tiến hành bầu HĐQT	
09h40 – 10h10	Trình bày các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:	
	1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.	Đoàn Chủ tịch
	2. Tờ trình của HĐQT về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.	
	3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (“BKS”).	Trưởng BKS
	4. Tờ trình thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và BKS	
	5. Tờ trình về tình hình tài chính năm 2020 và sử dụng vốn.	
	6. Tờ trình thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2020.	Đoàn Chủ tịch
	7. Tờ trình thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập.	Đoàn Chủ tịch
	8. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế của Tập đoàn.	
	9. Tờ trình thông qua việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh	
	10. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	
	11. Các nội dung khác	
10h10 – 10h30	Trao đổi thảo luận	Đoàn Chủ tịch
10h30 – 10h50	Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội	Ban Kiểm phiếu
	Kiểm phiếu biểu quyết	Ban Kiểm phiếu
	Nghỉ giải lao	
10h50 – 11h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu HĐQT	Ban Kiểm phiếu
	Thông qua Biên bản cuộc họp và Bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tịch

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”).

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi chung là “Đại hội” hoặc “Cuộc họp ĐHĐCĐ”) của Tập đoàn Vingroup.
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
- 1.3 Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

- 2.1 Điều kiện tham dự họp Đại hội:
Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Tập đoàn Vingroup tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.
- 2.2 Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp Đại hội;
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Tập đoàn Vingroup;
 - c. Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
 - e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
- 2.3 Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền hợp lệ (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
 - b. Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay lộn xộn trong cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - c. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
 - d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
 - e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;

Tên

5

- f. Cung cấp thông tin về người có liên quan hay người có lợi ích liên quan đến cổ đông theo yêu cầu của Tập đoàn Vingroup.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- 3.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:
- a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:
 - + Trước khi khai mạc Đại hội;
 - + Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).
 - d. Xác định các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết trên cơ sở thông tin mà Ban kiểm tra tư cách cổ đông có được hay thông tin do cổ đông cung cấp.
- 3.2 Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- 4.1 Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại Đại hội.
- 4.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, thẻ thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu không thể xác định chính xác (các) cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (do thiếu thông tin hay do quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng), thì phiếu của cổ đông đó vẫn được tính, nhưng Ban kiểm phiếu phải lập biên bản ghi nhận việc này. Việc (các) cổ đông sau khi bỏ phiếu được xác định là cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của nghị quyết mà cổ đông đó đã tham gia bỏ phiếu, nếu như nghị quyết đó vẫn có đủ số phiếu cần thiết sau khi loại bỏ số phiếu của cổ đông liên quan đó.
- 4.3 Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 4.4 Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- 4.5 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký

- 5.1 Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT làm chủ tọa cuộc họp do HĐQT triệu tập.
- Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng điều khiển cuộc họp hoặc vì lý do bất khả kháng thì các thành viên HĐQT còn lại bầu ra một trong số họ làm Chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp HĐQT không bầu được Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 5.2 Trừ trường hợp quy định tại khoản 5.1, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành đề Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 5.3 Chủ tọa cử một hoặc một số Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 5.4 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 5.5 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 5.6 Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Vingroup) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 5.7 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 5.8 Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.
- 5.9 Đoàn Chủ tịch bao gồm một số thành viên HĐQT và cán bộ quản lý của Tập đoàn Vingroup do Chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
- 5.10 Thư ký cuộc họp có chức năng lập Biên bản Đại hội, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch. Thư ký cuộc họp có thể có một hoặc một số người giúp việc.

CHƯƠNG III

THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại hội

- 6.1 Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.
- 6.2 Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Vingroup và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 7: Tiến hành Đại hội

- 7.1 Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- 7.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
- 7.3 Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8: Thông qua Quyết định của Đại hội

- 8.1 Các nghị quyết của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- 8.2 Riêng đối với nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu, tổ chức quản lý của Tập đoàn Vingroup;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn Vingroup;
 - Tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn Vingroup.

Điều 9: Thẻ biểu quyết.

- 9.1 Thẻ biểu quyết phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp có ghi mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết và các nội dung chính cần thông qua tại Đại hội. Thẻ biểu quyết phải được đóng dấu của Tập đoàn Vingroup.
- 9.2 Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.
- 9.3 Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa các thông tin nêu tại Điều 9.1 để phục vụ việc kiểm phiếu bằng phần mềm vi tính.

Điều 10: Thẻ thức biểu quyết thông qua các Nghị quyết tại Đại hội.

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

- 10.1 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu.

- a. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán

- thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến;
- b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
- + Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;
 - + Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.
- c. Các Thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
- + Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Tập đoàn Vingroup;
 - + Thẻ bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
 - + Thẻ không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
 - + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
 - + Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.
- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;
- d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- 10.2 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS/HĐQT được thực hiện theo Quy chế riêng về bầu thành viên BKS/HĐQT được thông qua tại Đại hội.
- 10.3 Biểu quyết trực tiếp.
- Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10.1 và 10.2 trên đây.
- Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.



Điều 11: Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu.

- 11.1 Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
- a. Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng;
 - b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu;
 - c. Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết;
 - d. Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - e. Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);
 - f. Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.
- 11.2 Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
- a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;
 - b. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia dự họp;
 - + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - + Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề.
- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 12: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng ký phát biểu. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình cuộc họp để bố trí sắp xếp việc phát

65

biểu của các cổ đông. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho cổ đông đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội,

Điều 13: Biên bản Đại hội

- 13.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
- 13.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.3 Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tập đoàn Vingroup.
- 13.4 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Vingroup trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.
- 13.5 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 14: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 14.1 Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
- 14.2 Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15: Hiệu lực thi hành của Quy chế

- 15.1 Quy chế này gồm 3 Chương, 15 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 15.2 Quy chế này có thể sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vingroup và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v: Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2021 - 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2021 là năm hết nhiệm kỳ 05 (năm) của HĐQT Tập đoàn Vingroup nhiệm kỳ 2016 – 2021. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Điều lệ Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”), HĐQT kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua việc bầu thành viên HĐQT của Tập đoàn Vingroup nhiệm kỳ 2021 – 2026 với các nội dung như sau:

1. **Số lượng thành viên HĐQT:** HĐQT đề xuất số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 là: 09 thành viên.
 2. **Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên thành viên HĐQT Tập đoàn Vingroup.**
 - 2.1. Ứng cử viên thành viên HĐQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể:
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn;
 - Không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn; và
 - Không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác.
 - 2.2. ĐHCĐ tiến hành bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo Quy chế Bầu cử được thông qua tại Đại hội. Dự thảo Quy chế Bầu cử được đính kèm Tờ trình này.
 3. **Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT gồm:**
 - Văn bản ứng cử hoặc đề cử (theo mẫu);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
 - Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
 - Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
 - Hồ sơ ứng cử/đề cử phải được gửi về Ban Tổ chức trước 17h00' ngày 22/05/2021 theo địa chỉ sau đây:
Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP
Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.
Điện thoại: 024-39749999.
- Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử được gửi cho Ban Tổ chức trước thời hạn nêu trên mới được đưa vào danh sách ứng cử viên HĐQT công bố trước thời điểm bầu cử.

Trình ĐHCĐ xem xét và cho ý kiến.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG



55

DANH SÁCH ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP
NHIỆM KỲ 2021 - 2026

STT	Họ và tên ứng viên thành viên HĐQT
1	Ông Phạm Nhật Vượng
2	Bà Phạm Thu Hương
3	Bà Phạm Thúy Hằng
4	Ông Nguyễn Việt Quang
5	Bà Nguyễn Diệu Linh
6	Ông Park Woncheol
7	Ông Adil Ahmad
8	Ông Chin Michael Jaewuk
9	Ông Ronaldo Dy-Liacco Ibasco

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”).

Điều 1: Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1.1 Nguyên tắc bầu cử:

- a. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ Tập đoàn Vingroup và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
- b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

1.2 Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập tại ngày 04/5/2021) có mặt tại Đại hội.

Điều 2: Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021- 2026

2.1 Số lượng thành viên HĐQT cần bầu: 09 thành viên.

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT.

Ứng cử viên thành viên HĐQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn;
- Không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn; và
- Không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác.

Điều 3: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT được thực hiện như sau:

- 3.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông (gộp số cổ phần của từng người lại với nhau) nắm giữ tối thiểu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên thành viên HĐQT.
- 3.2. Trường hợp không có cổ đông/nhóm cổ đông nào đề cử hoặc số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Vingroup và pháp luật, HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử ứng viên cho đủ số lượng ứng viên HĐQT. Danh sách các ứng viên do HĐQT đương nhiệm đề cử được công bố rõ ràng tại ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026.

4.1 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Văn bản ứng cử hoặc đề cử (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

4.2 Để đảm bảo công tác chuẩn bị tài liệu trình ĐHĐCĐ của Ban Tổ chức, hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải được gửi về Tập đoàn Vingroup trước 17h00’ ngày 22/5/2021 theo địa chỉ sau đây:

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Trụ sở: Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 – 39749999

Fax: 024 - 39748888

- 4.3 Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử được gửi cho Ban Tổ chức trước thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Đính kèm Quy chế:

- **Mẫu 1: Mẫu văn bản tự ứng cử thành viên HĐQT.**
- **Mẫu 2: Mẫu văn bản đề cử ứng viên thành viên HĐQT.**

Điều 5: Phương thức bầu cử

- 5.1 Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện thông qua bỏ phiếu kín tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân (x) với 9- là số thành viên HĐQT được bầu như nêu tại Mục 2.1.
- 5.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, sao cho tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của mình.

VD:

- a. *Cổ đông sở hữu 100 cổ phần của Tập đoàn Vingroup, ĐHĐCĐ sẽ bỏ phiếu để bầu ra 09 thành viên HĐQT;*
- b. *Cổ đông sẽ có: $100 (CP) \times 09 (TVHĐQT \text{ được bầu}) = 900$ phiếu bầu (Tập đoàn Vingroup đã ghi sẵn số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với số thành viên HĐQT được bầu trên Thẻ bầu cử);*
- c. *Cổ đông có thể dồn hết 900 phiếu bầu trên cho 01 ứng cử viên hoặc chia 000 phiếu bầu cho các ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu bằng hoặc nhỏ hơn 900.*

Điều 6: Hình thức tiến hành bầu cử

- 6.1 Thẻ bầu cử.

Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Thẻ bầu cử thành viên HĐQT (“Thẻ bầu cử”), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần và số phiếu bầu đã được nhân (x) tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, danh sách các ứng cử viên HĐQT được đề cử.

- a. Thẻ bầu cử được đóng dấu của Tập đoàn Vingroup;
- b. Thẻ bầu cử có thể sử dụng mã số, mã vạch để giúp Ban kiểm phiếu (“BKP”) thực hiện việc kiểm phiếu được nhanh chóng và chính xác.

- 6.2 Quy định về cách ghi và tính hợp lệ của Thẻ bầu cử.

- a. Thẻ bầu cử hợp lệ là Thẻ bầu cử đáp ứng đủ các tiêu chí sau:
 - Do Ban Tổ chức phát ra, có đóng dấu của Tập đoàn Vingroup;
 - Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
 - Không bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa.
 - b. Thẻ bầu cử không hợp lệ là Thẻ có một/một số vấn đề sau:
 - Không phải do Ban Tổ chức phát ra;
 - Không đóng dấu của Tập đoàn Vingroup;
 - Bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
 - Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
 - Có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
 - Bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT được bầu;
 - Nộp cho BKP sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong;
- Các Thẻ bầu cử không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử.

- c. Cách ghi Thẻ bầu cử:
 - Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
 - Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
 - Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng BKP để đổi lại Thẻ bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- 6.3 Nguyên tắc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT.
 - a. Trước khi bỏ phiếu, BKP tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
 - b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng BKP và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu hoặc sau 15 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào hòm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được BKP niêm phong;
 - c. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong;
- 6.4 Quy định việc kiểm phiếu.
 - a. BKP gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT.
 - b. BKP thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - BKP làm việc trong 01 phòng riêng/khu vực riêng.
 - BKP có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - Kiểm tra tính hợp lệ của các Thẻ bầu cử;
 - Kiểm tra lần lượt từng Thẻ bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - Niêm phong toàn bộ các Thẻ bầu cử, bàn giao lại cho Trưởng BKP.
- 6.5. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu.
 - a. Sau khi kiểm phiếu xong, BKP lập Biên bản kiểm phiếu;
 - b. Nội dung Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần BKP;
 - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - Số và tỷ lệ Thẻ bầu cử hợp lệ, không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được bầu;
 - Biên bản phải có chữ ký của các thành viên BKP.
 - c. Công bố Biên bản kiểm phiếu:
Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử được công bố tại Đại hội. Kết quả bầu cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.
- Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT**
 - 7.1 Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu cử.
 - 7.2 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của HĐQT thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu cổ phần của Tập đoàn Vingroup cao hơn. Trường hợp các ứng viên đều không sở hữu cổ phần hoặc số cổ phần của các ứng viên này bằng nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
- Điều 8. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu**
 Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 9 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tập đoàn Vingroup.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

MẪU 1: VĂN BẢN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Đính kèm Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026)

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

VĂN BẢN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Tôi là:

Mã số cổ đông:

Ngày sinh:.....Nơi sinh.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....tại.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành.....

Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần, tương ứng với:.....% vốn điều lệ của Tập đoàn Vingroup (“Tập đoàn Vingroup”).

Căn cứ quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn, tôi tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Vingroup nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Vingroup và Luật Doanh nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn.

ỨNG VIÊN

(ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai.
- Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của ứng viên.
- Bản sao các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

MẪU 2: VĂN BẢN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Đính kèm Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026)

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----------

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

VĂN BẢN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Kính gửi: Ban Tổ chức - Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Cổ đông/Nhóm cổ đông Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”) gồm:

Stt	Họ và tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCN ĐKDN, Ngày cấp, Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/vốn điều lệ	Chữ ký/Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức

Căn cứ quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Vingroup, chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông/Bà:.....

Ngày sinh:.....Nơi sinh:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Là ứng viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Vingroup nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/Bà.....có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 -- 2026 theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Vingroup và Luật Doanh Nghiệp.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử.
- Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được đề cử.
- Bản sao các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn của người được đề cử.
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

45

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tình hình hoạt động của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (sau đây gọi là “Vingroup” hoặc “Tập đoàn”) trong năm 2020.

Do tác động của dịch bệnh Covid-19, năm 2020 là năm đầy khó khăn của kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Vingroup đã triển khai linh hoạt các hoạt động quản trị, hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh.

Về kết quả kinh doanh, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đánh giá Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các chiến lược kinh doanh thích ứng với tình hình và tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu phòng chống dịch bệnh của các cấp quản lý, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ.

Năm 2020, Vingroup đạt 110,5 nghìn tỉ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế đạt 4,5 nghìn tỉ đồng. Kết quả trên đảm bảo cho Vingroup tiếp tục vị trí dẫn đầu Top 10 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam và trở thành doanh nghiệp tư nhân Việt Nam duy nhất lọt vào bảng xếp hạng 2.000 doanh nghiệp lớn nhất toàn cầu Global 2000 do tạp chí Forbes công bố.

Thành tích trên có sự đóng góp đột phá của hai mảng Công nghiệp và Công nghệ, bên cạnh những nỗ lực vượt qua các thách thức của mảng Thương mại Dịch vụ – những lĩnh vực cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn. Cụ thể:

Ở lĩnh vực Công nghệ – Công nghiệp, VinFast đã bán ra 31,5 nghìn ô tô và 45,4 nghìn xe máy điện, đứng đầu về doanh số xe trong tất cả các phân khúc đang hiện diện. Điện thoại thông minh Vsmart đạt doanh số bán lên tới gần 2 triệu sản phẩm và nằm trong top các thương hiệu điện thoại được tiêu thụ hàng đầu Việt Nam.

Các viện nghiên cứu, công ty công nghệ của Tập đoàn cũng đã đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất của thế giới, trong đó có các giải pháp tương lai cho xe tự lái và hệ sinh thái thông minh – những sản phẩm được kỳ vọng sẽ mang lại giá trị đột phá cho Tập đoàn.

Ở lĩnh vực Thương mại Dịch vụ, Bất động sản tiếp tục là trụ cột vững mạnh của Tập đoàn với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Vinhomes đạt lần lượt 71,5 nghìn tỷ đồng và 28,2 nghìn tỷ đồng. Vinpearl tiếp tục trụ vững qua một năm đặc biệt khó khăn của du lịch toàn cầu. Các mảng Y tế, Giáo dục đều hoạt động ổn định.

Bên cạnh những thành tựu tài chính ấn tượng đến từ sự quyết tâm và linh hoạt trong chiến lược quản trị và kinh doanh, Vingroup còn nổi bật ở vai trò gánh vác trách nhiệm cộng đồng và trở thành một trong những doanh nghiệp nổi bật nhất châu Á trong cuộc chiến chống dịch Covid-19 khi tham gia sản xuất và tài trợ máy thở, tài trợ nghiên cứu vắc-xin, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong kinh doanh, tài trợ các chuyến bay nhân đạo, tri ân các y bác sĩ tuyến đầu chống dịch.

Về **quản trị**, những thách thức của năm 2020 được Vingroup biến thành cơ hội cải tổ mạnh mẽ bộ máy nhân sự nhằm kiến tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn. Song song với việc quyết liệt rà soát, chuẩn hóa các quy trình làm việc và định mức năng suất lao động, Tập đoàn tiếp tục cải cách sơ đồ tổ chức, thể hiện rõ nguyên tắc quản trị theo hướng tập trung vào kết quả, tăng tối đa sự chủ động, linh hoạt trong công việc cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo (“CBLĐ”) và cán bộ nhân viên (“CBNV”).

Trong công tác quản trị nội bộ, Vingroup đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho CBLĐ các cấp trong điều hành quản lý, tiếp tục cải tổ mô hình quản trị từ quản trị tập trung sang hình thức quản trị theo lĩnh vực

kinh doanh với mô hình các công ty con là các cơ sở kinh doanh và trung tâm lợi nhuận độc lập ("P&L"), còn công ty mẹ, Vingroup nắm vai trò lập chiến lược, đánh giá và quản trị các công ty con.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

2.1. Các hoạt động chung

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt việc phân cấp/phân quyền cho Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho HĐQT đối với một số vụ việc mang tính hành chính, sự vụ, diễn ra thường xuyên, ổn định.

HĐQT của Vingroup gồm chín (9) thành viên, trong đó có một (1) Chủ tịch HĐQT và ba (3) thành viên độc lập HĐQT.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19, HĐQT đã linh hoạt tổ chức các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản nhằm kịp thời thông qua nhiều chủ trương và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Tập đoàn.

Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 31 Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Tập đoàn, trong đó có các nội dung chính như sau:

Nội dung họp HĐQT	Số Nghị quyết
Kiến toàn, cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động, thành lập các P&L bổ nhiệm các lãnh đạo và quản lý của Tập đoàn và các P&L, cử đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp trong P&L	23 Nghị quyết
Huy động khoản vay, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, thế chấp/cầm cố tài sản	8 Nghị quyết
Tổng cộng	31 Nghị quyết

Danh sách các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2020 được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn năm 2020.

2.2. Hoạt động giám sát của HĐQT

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Tập đoàn, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện các dự án do Tập đoàn là chủ đầu tư và hoạt động đầu tư, kinh doanh của các công ty thành viên lớn của Tập đoàn;
- Chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án đã và đang triển khai của Tập đoàn;
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 28 tháng 05 năm 2020 và các đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh;
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định;
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT.

Báo cáo về thù lao cho HĐQT năm 2020 được trình bày cụ thể tại Tờ trình của HĐQT về thù lao của HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2021.

Ngoài ra, Tập đoàn còn áp dụng các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT như khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, ưu đãi khi sử dụng dịch vụ của các công ty thành viên của Tập đoàn.

4. Giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan.

Trình tự, thủ tục phê duyệt các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn. Các giao dịch giữa Tập đoàn với các bên liên quan do HĐQT phê duyệt được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn năm 2020.

5. Hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

5.1. Hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT.

HQĐT có 03 thành viên độc lập gồm: (1) Ông Lê Khắc Hiệp (2) Ông Ling Chung Yee Roy và (3) Ông Marc Villiers Townsend. Các thành viên độc lập HĐQT đều có năng lực chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động chính của Tập đoàn nên đã có những đóng góp quan trọng trong các quyết sách của HĐQT. Trong năm 2020, các thành viên độc lập HĐQT đều có ý kiến tham gia đầy đủ vào các quyết định/vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đặc biệt là các giao dịch giữa Tập đoàn và các bên liên quan để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được xung đột lợi ích, bảo vệ lợi ích của Tập đoàn và cổ đông.

5.2. Đánh giá của các thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2020, HĐQT đã có những quyết sách linh hoạt để ứng phó với những thay đổi trong phương thức sản xuất, kinh doanh do tác động của đại dịch Covid 19. Những chỉ đạo kịp thời về chiến lược của HĐQT đối với Tập đoàn và các công ty thành viên về phương án điều chỉnh kinh doanh đã đảm bảo Tập đoàn hoàn thành các mục tiêu và phương án kinh doanh được ĐHCĐ thường niên 2020 thông qua trong tình hình khó khăn chung của cả nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho hoạt động của cả hệ thống và người lao động, khách hàng. HĐQT đã phê duyệt, ban hành kịp thời các quyết định, phê duyệt theo đúng thẩm quyền để điều chỉnh các hoạt động quản trị cũng như kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT cũng đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

6. Định hướng hoạt động của Tập đoàn năm 2021

Trong bối cảnh dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, Tập đoàn luôn tuân thủ theo những chủ trương và chỉ đạo kịp thời của Nhà nước để phòng chống dịch bệnh lây lan, đặt yếu tố sức khỏe của khách hàng và cán bộ nhân viên lên hàng đầu, đồng thời chủ động đưa ra những phương án kinh doanh thích nghi với hoàn cảnh.

Nguyên tắc “5 H hóa” cũng sẽ tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tại Tập đoàn, gồm “Hạt nhân hóa – Chuẩn hóa – Đơn giản hóa – Tự động hóa – Hiệu quả hóa”, đảm bảo các công đoạn quản lý trở nên mạch lạc, gọn gàng và đơn giản nhất có thể, từ đó hướng tới mục tiêu tăng doanh thu, tối ưu hóa chi phí và tăng giá trị lâu dài cho Tập đoàn.

Trong từng lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, Vingroup sẽ đẩy mạnh để duy trì vị thế dẫn đầu trên thị trường, mở ra các xu hướng tiêu dùng và trải nghiệm mới cho khách hàng. Đặc biệt, Tập đoàn sẽ đẩy mạnh toàn diện việc sử dụng công nghệ trong quản trị, vận hành, những yếu tố cốt lõi để gia tăng sức cạnh tranh khi đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế.

HQĐT tin tưởng với sự đoàn kết của toàn thể Ban lãnh đạo và nỗ lực của đội ngũ cán bộ, Vingroup sẽ tiếp tục có một năm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh.

Trình ĐHCĐ xem xét.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn Vingroup

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2020 là năm khó khăn của kinh tế thế giới do chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid-19. Nhờ chủ động và quyết liệt phòng chống dịch của Chính phủ, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương, với 2,91%. Tuy nhiên, xét trên tổng thể, các ngành trong nước đều không tránh khỏi ảnh hưởng tiêu cực lên hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup” hoặc “Tập đoàn”) đã nhanh chóng thích ứng, khẩn trương và linh hoạt trong quản trị cũng như các chiến lược kinh doanh, nhờ vậy Tập đoàn không chỉ hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh mà còn thu được một số kết quả khả quan, cụ thể như trong phần báo cáo dưới đây.

I. Kết quả kinh doanh của Tập đoàn Vingroup năm 2020 (Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam).

1. Doanh thu thuần

Năm 2020, Doanh thu thuần đạt 110.490 tỷ đồng, giảm 19.546 tỷ đồng (tương đương 15%) so với năm 2019, chủ yếu do trong năm 2020, Tập đoàn không còn doanh thu từ hoạt động bán lẻ.

- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản tăng 12% từ 64.505 tỷ đồng lên 72.167 tỷ đồng năm 2020 do trong năm Tập đoàn tiến hành bàn giao nhiều tại các dự án Đại đô thị Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Grand Park. Tỷ lệ lợi nhuận gộp từ chuyển nhượng bất động sản năm 2020 đạt 39%.
- Doanh thu hoạt động sản xuất đạt 17.415 tỷ đồng, tăng mạnh 89% so với năm 2019 nhờ các mẫu xe và điện thoại thông minh được thị trường đón nhận nồng nhiệt.
- Doanh thu cho thuê bất động sản thương mại năm 2020 chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19, đặc biệt là trong Quý II, tuy nhiên đã phục hồi đáng kể trong Quý III và Quý IV. Tính chung cả năm, Doanh thu cho thuê bất động sản thương mại giảm nhẹ 2% từ 6.792 tỷ đồng trong năm 2019 xuống 6.662 tỷ đồng. Trong năm 2020, Tập đoàn khai trương thêm một TTTM – Vincom Mega Mall Ocean Park tại Hà Nội, nâng tổng số TTTM vận hành hiện tại lên 80 TTTM với bốn mô hình khác nhau.
- Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí đạt 4.869 tỷ đồng trong năm 2020, giảm 43% so với năm 2019 do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 từ Quý II, dẫn tới giảm mạnh số lượng khách từ các thị trường nước ngoài.

2. Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn giảm 41% từ 7.717 tỷ đồng năm 2019 xuống 4.546 tỷ đồng năm 2020.

3. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế

- Tổng số thuế phải nộp trong năm 2020 (không bao gồm tiền sử dụng đất, thuế đất) của Tập đoàn là 21.214 tỷ đồng, trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp là 10.134 tỷ đồng, thuế giá trị gia tăng là 3.607 tỷ đồng, thuế thu nhập cá nhân là 1.696 tỷ đồng, các loại thuế khác là 5.777 tỷ đồng.
- Tổng số thuế Tập đoàn Vingroup đã nộp cho Ngân sách Nhà nước trong năm 2020 là 19.286 tỷ đồng, trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.527 tỷ đồng, thuế giá trị gia tăng là 3.679 tỷ đồng, thuế thu nhập cá nhân là 1.732 tỷ đồng, các loại thuế khác là 5.347 tỷ đồng.

4. Thu nhập cho Cổ đông.

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2020 của cổ đông Công ty mẹ là 5.465 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2020 là: 1.691 đồng.

5. Tình hình triển khai Dự án.

Thế mạnh và cũng là lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn chính là tiến độ triển khai và bàn giao dự án. Các dự án đã, đang và sẽ được bàn giao sớm hơn hoặc đúng tiến độ cam kết. Tập đoàn không ngừng phát huy chữ TỐC trong việc đẩy mạnh tiến độ thi công và chữ TÍN trong cam kết với nhà thầu và khách hàng.

Ba Đại dự án Vinhomes đang triển khai sẽ tiếp tục được Tập đoàn Vingroup và các nhà thầu có uy tín tại Việt Nam và thế giới thi công với tinh thần khẩn trương và chất lượng cao nhất. Năm 2020 cũng là năm Tập đoàn Vingroup bao gồm Vinhomes và các công ty con lập kỉ lục với 54.100 căn hộ, biệt thự và nhà phố thương mại được bàn giao, tính cả số căn bán lẻ và tương đương bán lẻ trong các giao dịch bán lẻ lớn. Năm 2020 là năm Tập đoàn chính thức tham gia vào lĩnh vực Bất động sản công nghiệp đầy tiềm năng nhằm tạo thêm nguồn thu cũng như động lực tăng trưởng cho tương lai với việc thành lập Vinhomes IZ ("VHIZ") – công ty con phụ trách Bất động sản công nghiệp. Các lợi thế sẵn có của Vinhomes về thương hiệu, năng lực quy hoạch tổng thể, tốc độ giải phóng mặt bằng cũng như đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm chắc chắn khiến nhà đầu tư trong và ngoài nước lựa chọn dự án của Vinhomes là điểm đến đầu tư an toàn. Khách hàng mục tiêu ban đầu sẽ là các đơn vị trong chuỗi cung ứng linh kiện ô tô, mục đích nhằm tạo ra một hệ sinh thái xung quanh VinFast cả về yếu tố sản xuất và địa lý.

Trong năm 2020, Vincom Retail khai trương một TTTM tại Đại đô thị Vinhomes Ocean Park, nâng tổng số TTTM toàn hệ thống lên 80 TTTM, hiện diện ở 43 tỉnh thành trên cả nước với tổng diện tích sàn xây dựng bán lẻ lên đến gần 1,7 triệu m².

Vinpearl tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án nghỉ dưỡng mới tại các vị trí du lịch chiến lược và các khách sạn tại trung tâm các thành phố. Trong lĩnh vực Vui chơi giải trí, Vinpearl đang gấp rút hoàn thiện việc nâng cấp, xây dựng các hạng mục mới tại VinWonders Nha Trang để sớm khai trương trong thời gian tới.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Trong năm 2021, Tập đoàn Vingroup đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nhằm củng cố ba trụ cột chính: Công nghệ - Công nghiệp - Thương mại Dịch vụ, tạo thế "kiềng ba chân" vững chắc. Tập đoàn duy trì mô hình P&L tại các công ty con, nhấn mạnh yêu cầu về hiệu quả và minh bạch và tiếp tục thúc đẩy triển khai nguyên tắc "5 HÓA" nhằm xây dựng bộ máy quản trị tinh gọn, đa năng và linh hoạt. Cụ thể:

- Về hoạt động kinh doanh: đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ của mỗi ngành dọc, đặt mục tiêu luôn đưa ra sản phẩm hấp dẫn và chất lượng nhất cho người tiêu dùng, qua đó đa dạng hóa các nguồn thu và khuyến khích khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ, sản phẩm trong hệ sinh thái; áp dụng công nghệ vào mọi hoạt động nhằm bắt kịp xu hướng phát triển chung của thế giới; mở rộng hoạt động xuất khẩu sản phẩm công nghiệp ra nước ngoài.

Cụ thể, trong lĩnh vực Công nghệ - Công nghiệp, VinFast dự kiến ra mắt năm mẫu xe máy điện và ba mẫu xe ô tô thông minh VF e34, VF35 và VF36. Các mẫu xe mới giúp VinFast tiếp tục giữ vững vị thế tại thị trường nội địa, đồng thời đưa VinFast bước ra thị trường quốc tế. Đối với mảng thiết bị thông minh, VinSmart sẽ tập trung phát triển các sản phẩm IoT và tính năng Infotainment cho ô tô VinFast và hệ sinh thái thông minh gồm ba mũi nhọn: thành phố thông minh, nhà thông minh và dịch vụ thông minh. Trong năm 2021, Vingroup tiếp tục nghiên cứu và phát triển công nghệ phục vụ cho mục tiêu phát triển Tập đoàn theo hướng Công nghệ - Công nghiệp - Thương mại Dịch vụ. Bên cạnh các chương trình nghiên cứu công nghệ dài hạn, Vingroup đẩy mạnh ứng dụng các thành quả này vào các sản phẩm phục vụ thị trường.

Trong lĩnh vực Bất động sản nhà ở, Vinhomes tiếp tục triển khai và bàn giao các dự án Đại đô thị, đẩy mạnh triển khai mô hình bán hàng đa kênh kết hợp giữa trực tuyến và truyền thống, đồng thời ra mắt hoạt động kinh doanh thứ cấp, hỗ trợ người mua nhà. Trong lĩnh vực Bất động sản bán lẻ, Vincom

Retail tiếp tục cung cấp ra thị trường gần 100 nghìn m² diện tích sàn bán lẻ, nâng tổng diện tích mặt sàn bán lẻ trên toàn hệ thống lên 1,8 triệu m², giữ vững vị thế số một về số lượng TTTM, thị phần và chất lượng. Trong lĩnh vực Du lịch - Vui chơi giải trí, Vinpearl duy trì và phát triển thị trường nội địa trên đà phát triển của năm 2020 với mũi nhọn là kênh bán hàng trực tuyến và kênh doanh nghiệp, đồng thời phát triển, mở rộng các thị trường trọng điểm nước ngoài thông qua việc triển khai hoạt động marketing, truyền thông mạnh mẽ để chuẩn bị đón đầu cơ hội ngay khi mở lại các đường bay quốc tế.

- Về nguồn vốn và đầu tư: triển khai nhiều hình thức huy động vốn trong và ngoài nước thông qua nhiều công cụ tài chính, kiểm soát hiệu quả việc đầu tư mở mới và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng nguồn vốn để phục vụ chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn.
- Về quản trị nguồn lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp: phát huy vai trò của cán bộ lãnh đạo, tận dụng tối đa nguồn lãnh đạo từ cán bộ xuất sắc tại cơ sở, xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, công bằng và văn minh và tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ nhân viên.

Với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, Hội đồng quản trị Tập đoàn Vingroup trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 170.000 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng 4.500 tỷ đồng.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bước sang năm 2020, dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu cũng như đứt gãy các chuỗi cung ứng thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh khó khăn đó, với việc khống chế tốt dịch bệnh trong nước và hàng loạt các giải pháp hiệu quả của Chính phủ nhằm thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế - xã hội”, năm 2020 GDP cả nước tăng 2,91%, thuộc nhóm có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Trừ những lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh như dịch vụ, du lịch, hầu hết các lĩnh vực khác đều đạt được mức tăng trưởng tích cực, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Trong năm 2020, hoạt động của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup” hoặc “Vingroup”) tiếp tục vượt qua khó khăn thách thức, duy trì được sự ổn định, có những bước bứt phá và gặt hái được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực hoạt động, khẳng định vị thế dẫn đầu và tiên phong trong nhiều mảng kinh doanh quan trọng.

Thực hiện chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát (“BKS”) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Vingroup, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế hoạt động của công ty niêm yết, BKS trong năm qua đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn Vingroup liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, khai thác và vận hành các dự án bất động sản, các dự án sản xuất, triển khai các lĩnh vực kinh doanh mới, tiến hành kiểm tra định kỳ Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con trong Tập đoàn Vingroup.

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Về tình hình tài chính của Tập đoàn Vingroup.

BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup lập và được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Tập đoàn Vingroup tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2020 thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

a. Về kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Doanh thu thuần	:	110.490 tỷ đồng, giảm 15% so với 2019
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	13.943 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	4.546 tỷ đồng, giảm 41% so với 2019

b. Về tài sản hợp nhất:

- Tài sản ngắn hạn	:	166.014 tỷ đồng
- Tài sản dài hạn	:	256.490 tỷ đồng
Tổng tài sản	:	422.504 tỷ đồng

c. Vốn chủ sở hữu : 135.853 tỷ đồng

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“HDQT”) và Tổng Giám đốc (“TGD”).

Để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, BKS cũng đã chủ động tổ chức làm việc và trao đổi với HDQT, TGD, Giám đốc tài chính, Giám đốc phát triển dự án của một số đơn vị thành viên để kịp thời nắm bắt tìm hiểu về hoạt động quản trị, kiểm soát tài chính và tình hình triển khai các dự án mới.v.v.

Qua quá trình kiểm tra, rà soát, BKS đánh giá HĐQT và TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn đều được triển khai một cách minh bạch, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS ghi nhận không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động của Tập đoàn Vingroup.

3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên

3.1. Kết quả hoạt động của BKS năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

Năm 2020, BKS đã đẩy mạnh hoạt động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với Ban Giám đốc theo sát việc ban hành và triển khai cũng như đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và các Quy chế được ban hành, BKS cũng đã tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Vingroup cũng như ở các đơn vị thành viên, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Quy chế Quản trị nội bộ của Tập đoàn Vingroup đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, giãn cách xã hội.

Trong năm 2020, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT năm 2020;
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn Vingroup;
- Thẩm tra Báo cáo tài chính quý, năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tập đoàn Vingroup và các công ty thành viên cả niêm yết theo các quy định của pháp luật; và
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn Vingroup và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.

Năm 2021, với mục tiêu phát huy hơn nữa vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn Vingroup, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào công tác kiểm tra nội bộ, cụ thể:

- Tăng cường công tác giám sát tính tuân thủ các quy định, quy chế, thực hiện các cam kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Vingroup và các đơn vị thành viên.
- Định kỳ và đột xuất kiểm tra việc hạch toán, lập Báo cáo tài chính quý, năm của Tập đoàn Vingroup và một số đơn vị thành viên lớn.
- Cử động nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các biện pháp nhằm nâng cao tính minh bạch, giám sát và phòng ngừa rủi ro trong các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Tổng hợp báo cáo tự đánh giá của các Thành viên BKS:

Trong năm 2020, các thành viên BKS đều tham gia đầy đủ 03 cuộc họp và một số buổi thảo luận trong nội bộ BKS. Ngoài ra, theo phân công của Trưởng BKS, từng thành viên theo lĩnh vực chuyên môn của mình, đã chủ động triển khai nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với hoạt động của HĐQT, TGD và các phòng ban chuyên môn của Tập đoàn Vingroup cũng như một số đơn vị thành viên lớn. Các thành viên BKS tự đánh giá đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn Vingroup.

Nhân dịp này, thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, HĐQT và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Vingroup lời chúc sức khỏe.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm soát

(đã ký)

Nguyễn Thế Anh

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về tình hình tài chính năm 2020 và sử dụng vốn của Tập đoàn Vingroup

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2020, Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn”) đã có một năm hoạt động được đánh giá là thành công trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phải chịu nhiều hậu quả do đại dịch Covid 19. Các chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng tài sản

- Tài sản ngắn hạn giảm 31.379 tỷ đồng, tương đương 16% so với 31/12/2019, ảnh hưởng chủ yếu bởi biến động ở chỉ tiêu Hàng tồn kho do trong năm bàn giao nhiều tại ba Dự án Vinhomes và ghi nhận doanh thu bàn giao xe VinFast tốt.
- Tài sản dài hạn ghi nhận mức tăng 24% so với năm 2019, đạt 256.490 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020, trong đó:
 - o Tài sản cố định tăng 17.371 tỷ đồng, tương đương mức tăng 16% do trong năm khai trương công viên chủ đề VinWonders Phú Quốc giai đoạn một, khai trương trường Đại học VinUni và bốn cơ sở Vinschool, đồng thời tăng tài sản bổ sung cho nhà máy VinFast, VinSmart.
 - o Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 19.864 tỷ đồng trong năm 2020 chủ yếu do mua mới một số dự án bất động sản trong năm và tăng từ các dự án đang triển khai như VinWonders Phú Quốc, cải tạo hạ tầng Vinpearl Nha Trang, đầu tư dự án xe buýt điện VinFast và máy móc thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất các mẫu xe mới.

2. Nguồn vốn và vay nợ

2.1. Các nguồn vốn vay trong năm 2020

- Tổng Nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 ở mức 286.651 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với cuối năm 2019.
- Tổng Nợ vay của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 ở mức 129.787 tỷ đồng. Cơ cấu Nợ vay của Tập đoàn bao gồm các khoản vay hợp vốn (51%), trái phiếu trong nước (38%) và trái phiếu hoán đổi (4%).

2.2. Tăng nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu tăng 13% từ 120.589 tỷ đồng lên 135.853 tỷ đồng cuối năm 2020 chủ yếu do tăng phần vốn góp từ cổ đông không kiểm soát.

3. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần đạt 110.490 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2019.
- Lợi nhuận gộp cả năm 2020 đạt 17.313 tỷ đồng, giảm 54% so với năm 2019 do hầu hết các lĩnh vực hoạt động đều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 13.943 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 4.546 tỷ đồng, giảm lần lượt 11% và 41% so với năm 2019.

4. Công bố báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư.

Ngày 02/12/2019, Tập đoàn đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với số cổ phiếu phát hành thêm là 22.640.167 cổ phiếu.

Tiếp theo báo cáo sử dụng vốn đã trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Hội Đồng Quản Trị xin công bố Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần riêng lẻ trong năm 2020 đã được xác nhận bởi Công ty TNHH kiểm toán KTC. Theo đó, Công ty kiểm toán xác nhận Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử

dụng vốn huy động của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh của báo cáo, trong đó vốn huy động từ đợt phát hành được sử dụng theo đúng mục đích như nêu trên và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trình ĐHCĐ xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

Ghi chú:

- Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tập đoàn Vingroup đã được Kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam và đã được công bố trên website của Tập đoàn Vingroup: www.vingroup.net.

28

Số: 06/2021/TT-HĐQT-VINGROUP

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối
tính đến 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Dựa trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”) trên báo cáo tài chính riêng là: 6.188.909 triệu đồng và trên báo cáo hợp nhất là 4.359.645 triệu đồng.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đề trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) phê duyệt phương án sử dụng/phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

- I. Trích 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn) vào Quỹ dự trữ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Vingroup.
- II. Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, cụ thể như sau:
 1. Đối tượng được chia cổ tức: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức bằng cổ phiếu.
 2. Phương thức thực hiện: Cổ tức được chia sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
 3. Tỷ lệ thực hiện quyền: Được chia theo tỷ lệ 1.000: 125 cho các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách (Mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 1.000 cổ phần được nhận cổ tức bằng 125 cổ phần).
 4. Tổng số cổ phần dự kiến phát hành thêm để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (theo mệnh giá): 422.803.800 cổ phần.
 5. Đặc điểm cổ phần được chia: Cổ phần được chia là cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và là cổ phần đã được thanh toán đầy đủ tiền mua.
 6. Xử lý số cổ phần không phân phối hết: Số lượng cổ phần được chia được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy.
Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 789 cổ phần VIC sẽ được quyền nhận thêm: $789 \times 125 / 1.000 = 98,625$ làm tròn xuống thành 98 cổ phần VIC, phần cổ phần lẻ sẽ bị hủy.
Giá trị chênh lệch dương giữa lợi nhuận của Tập đoàn Vingroup với tổng giá trị cổ phần thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu để chia cổ tức sẽ được giữ lại làm lợi nhuận chưa phân phối của Tập đoàn Vingroup.
 7. Nguồn vốn thực hiện: Lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020.
 8. Thời gian dự kiến thực hiện: Dự kiến trong Quý 3 và Quý 4/2021
 9. Cơ cấu vốn điều lệ sau khi phát hành:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành:	3.382.430.590 cổ phần
- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành:	422.803.800 cổ phần
- Loại cổ phần :	cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần dự kiến sau khi phát hành thêm:	3.805.234.390 cổ phần
- Vốn Điều lệ sau khi phát hành thêm (tính theo mệnh giá) dự kiến sẽ là	38.052.343.900.000 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi tám nghìn không trăm năm mươi ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).
- Các hạn chế của đợt phát hành: Cổ phần phát hành thêm từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

10. Lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phần mới phát hành từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (căn cứ theo kết quả phát hành thực tế cuối cùng) tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
Thời điểm niêm yết bổ sung cụ thể sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.
11. Thông qua việc: tăng vốn Điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Vingroup tương ứng với kết quả thực tế của đợt phát hành.

III. Phần lợi nhuận còn lại sẽ bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Vingroup.

IV. Ủy quyền thực hiện:

Để việc triển khai thực hiện công tác phát hành thêm cổ phần để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt việc ủy quyền và giao HĐQT Tập đoàn Vingroup thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

1. Hoàn tất mọi thủ tục cần thiết liên quan, xem xét và quyết định các nội dung cụ thể của phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ các quy định của luật pháp và Điều lệ Tập đoàn Vingroup, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.
2. Lựa chọn và quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.
3. Quyết định việc tăng vốn điều lệ tương ứng với kết quả thực tế của đợt phát hành và triển khai thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan có thẩm quyền.
4. Quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung và lưu ký số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Quyết định các công việc liên quan để hoàn tất việc phát hành thêm cổ phần để trả cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup.

PHẠM NHẬT VƯỢNG

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Số: 07/2021/HĐQT-BKS - VINGROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
V/v: Phê duyệt thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”);
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP của Tập đoàn Vingroup ngày 28 tháng 05 năm 2020 (“Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020”).

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Kiểm soát (“BKS”) báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2020 và kế hoạch chi trả trong năm 2021 như sau:

1. Thù lao đã chi trả trong năm 2020:

- Số lượng thành viên của HĐQT và BKS trong năm 2020 là: 09 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS.
- Thù lao cho HĐQT là 12,4 tỷ đồng - tương đương 0,27% lợi nhuận sau thuế năm 2020.
- Thù lao cho BKS là 2,1 tỷ đồng - tương đương 0,05% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Như vậy việc chi trả thù lao này đã được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2021:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh dự kiến của năm 2021, đề nghị ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS (tương đương với mức đã trình của năm 2020):

- Thù lao cho HĐQT tối đa bằng 0,4% lợi nhuận sau thuế năm 2021;
- Thù lao cho BKS tối đa bằng 0,1% lợi nhuận sau thuế năm 2021.

HĐQT và BKS đề nghị giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT và giao Trưởng BKS quyết định mức thù lao cụ thể cho các thành viên BKS nằm trong tổng mức thù lao nêu trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(đã ký)

Nguyễn Thế Anh

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(đã ký)

Phạm Nhật Vượng

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Số: 08/2021/TT-HĐQT-VINGROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn làm đơn vị thực hiện việc kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”).

Dựa trên đánh giá về chất lượng và uy tín của các công ty kiểm toán tại Việt Nam, Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách công ty kiểm toán và ủy quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn một trong các công ty dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Tập đoàn Vingroup:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam.
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn Vingroup

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(đã ký)

PHẠM NHẬT VƯỢNG

22

46

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Số: 09/2021/TT-HĐQT-VINGROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(V/v: Sửa đổi Điều lệ và ban hành các Quy chế của Tập đoàn)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kể từ ngày 01/01/2021, một số văn bản pháp luật quan trọng có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”) đã có hiệu lực bao gồm: (i) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (ii) Luật Doanh nghiệp số 29/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (iii) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155”) (iv) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật như nêu trên, Tập đoàn Vingroup cần phải kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các nội dung của bản Điều lệ hiện hành và ban hành các Quy chế cho phù hợp nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

Trình ĐHCĐ xem xét và thông qua các tài liệu sau đây:

1. Dự thảo Điều lệ theo Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này.
2. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn theo Phụ lục 02 đính kèm Tờ trình này.
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục 03 đính kèm Tờ trình này.
4. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Phụ lục 04 đính kèm Tờ trình này.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Tập đoàn.

(đã ký)

Phạm Nhật Vượng



48

PHỤ LỤC 01

(đính kèm Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VINGROUP ngày 12 tháng 5 năm 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP

HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2021

28/

LỜI NÓI ĐẦU

Điều lệ của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Tập đoàn"), một công ty cổ phần được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành một cách hợp lệ, đưa ra các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Điều lệ này gồm 54 điều, được chia thành 19 chương sẽ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Tập đoàn ("Điều Lệ").

Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định khác, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- 1.1 "Người Điều Hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội Đồng Quản Trị.
- 1.2 "Người Quản Lý" có nghĩa là các cán bộ giữ các vị trí Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và (các) Người Quản Lý khác trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội Đồng Quản Trị.
- 1.3 "Tập đoàn" là gọi tắt của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP;
- 1.4 "Công Ty Con" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Tập đoàn (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
- 1.5 "Cổ Đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Tập đoàn.
- 1.6 "Cổ Đông Lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
- 1.7 "Đại Diện Theo Ủy Quyền" là cá nhân được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản nhân danh Cổ Đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định của Pháp Luật.
- 1.8 "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh Nghiệp;
- 1.9 "ĐHĐCĐ" có nghĩa là Đại Hội Đồng Cổ Đông của Tập đoàn.
- 1.10 "HĐQT" có nghĩa là Hội Đồng Quản Trị của Tập đoàn.
- 1.11 "BKS" có nghĩa là Ban Kiểm Soát của Tập đoàn.
- 1.12 "TGD" có nghĩa là Tổng Giám đốc của Tập đoàn.
- 1.13 "Luật Doanh Nghiệp 2020" hay "Luật Doanh Nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
- 1.14 "Luật Chứng Khoán" là Luật chứng khoán số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
- 1.15 "Ngày Thành Lập" là ngày 03 tháng 5 năm 2002, ngày mà Tập đoàn được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp lần đầu.
- 1.16 "Sở Giao Dịch Chứng Khoán" là nơi giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác mà tại đó cổ phiếu của Tập đoàn được niêm yết.
- 1.17 "Sổ Đăng Ký Cổ Đông" có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Tập đoàn được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp.
- 1.18 "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.19 "VNĐ" hoặc "Việt Nam Đồng" là đồng tiền hợp pháp của nước Việt Nam.
- 1.20 "Vốn Điều Lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập Tập đoàn và theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.

Điều 2. Nguyên tắc giải thích

- 2.1 Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- 2.2 Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.
- 2.3 Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Tên gọi, Loại hình tổ chức hoạt động, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Người đại diện theo pháp luật, Thời hạn hoạt động và con dấu của Tập đoàn

- 3.1 Tên Tập đoàn:
Tên tiếng Việt: **TẬP ĐOÀN VINGROUP - CÔNG TY CP**
Tên giao dịch tiếng Anh: **VINGROUP JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **VINGROUP**
- 3.2 Tập đoàn được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành. Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn phải tuân thủ Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ này. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập Đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn. Tập đoàn là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ Đông, trừ khi có thỏa thuận rõ ràng khác. Tập đoàn hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều Lệ hiện tại, Pháp Luật và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 3.3 Trụ sở chính của Tập đoàn: **Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam.**
Điện thoại: 024-3974.9999
- 3.4 Tập đoàn thành lập Công Ty Con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật, phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Tập đoàn.
- 3.5 Tập Đoàn có một người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.
- 3.6 Thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn. Tập đoàn có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một nghị quyết của HĐQT.
- 3.7 Con dấu Tập đoàn.
a) HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu chính thức của Tập đoàn, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tập đoàn tại từng thời điểm.
b) TGD Tập đoàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

- 4.1 Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn như sau:

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1.	6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
2.	9000	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí
3.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

		Chi tiết: Loại trừ các hàng hóa không cam kết theo biểu cam kết WTO
4.	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Nội dung cụ thể thực hiện theo Giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp)
5.	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động vũ trường, sàn nhảy) Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí: bi a, trò chơi điện tử, trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, bơi lội (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
6.	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt sân chơi công viên và các tiện nghi giải trí trong công viên
7.	8211	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Quản lý hoạt động văn phòng, hành chính như lễ tân, chuyển phát thư, hệ thống sổ sách
8.	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch
9.	4321	Lắp đặt hệ thống điện
10.	3700	Thoát nước và xử lý nước thải
11.	3811	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Ngoại trừ thu gom rác trực tiếp từ các hộ gia đình. Chỉ cung cấp dịch vụ tại các điểm thu gom rác thải do chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố chỉ định
12.	4311	Phá dỡ
13.	4312	Chuẩn bị mặt bằng
14.	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
15.	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
16.	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn
17.	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
18.	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
19.	7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo
20.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
21.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán hàng công, nông nghiệp, xây dựng, phương tiện vận tải, tự động hóa, thiết bị bảo vệ phòng chống trộm tự động
22.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Trừ thuốc lá lá (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018)

23.	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quản lý bất động sản
24.	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp
25.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
26.	7010	Hoạt động của trụ sở văn phòng
27.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
28.	4212	Xây dựng công trình đường bộ
29.	4211	Xây dựng công trình đường sắt
30.	4229	Xây dựng công trình công ích khác
31.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
32.	7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận Chi tiết: Loại trừ dịch vụ thăm dò dự luận
33.	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
34.	4101	Xây dựng nhà để ở
35.	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
36.	4102	Xây dựng nhà không để ở
37.	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm
38.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018)
39.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình dân dụng; Thiết kế cấp thoát nước – môi trường nước công trình xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công

4.2 ĐHĐCĐ của Tập đoàn quyết định thay đổi hoặc mở rộng phạm vi kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 5. Quyền của Tập đoàn

Tập đoàn có quyền:

- 5.1 Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn.
- 5.2 Cấp vốn cho các Công Ty Con dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản, theo quy định của Pháp Luật.

- 5.3 Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Tập đoàn.
- 5.4 Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm và mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Tập đoàn và nhu cầu thị trường.
- 5.5 Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công Ty Con; phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Tập đoàn; phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công Ty Con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.
- 5.6 Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tập đoàn trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản ngân hàng để giao dịch trong và ngoài nước.
- 5.7 Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Tập đoàn.
- 5.8 Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- 5.9 Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.
- 5.10 Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
- 5.11 Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.
- 5.12 Sử dụng vốn và quỹ của Tập đoàn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
- 5.13 Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật. Phụ thuộc vào phạm vi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và theo quy định của Pháp Luật, Tập đoàn có thể niêm yết, hủy niêm yết cổ phiếu của mình trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 5.14 Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
- 5.15 Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của ĐHĐCĐ.
- 5.16 Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- 5.17 Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
- 5.18 Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu để giúp đỡ Tập đoàn.
- 5.19 Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.
- 5.20 Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Tập đoàn và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- 5.21 Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Tập đoàn

Tập đoàn chịu trách nhiệm:

- 6.1 Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.
- 6.2 Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Tập đoàn cũng như nhu cầu của thị trường.
- 6.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.

- 6.4 Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
- 6.5 Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
- 6.6 Tuân thủ các Chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
- 6.7 Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.
- 6.8 Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.9 Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về Chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực trong các báo cáo tài chính của Tập đoàn.
- 6.10 Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Tập đoàn.
- 6.11 Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Tập đoàn.
- 6.12 Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Tập đoàn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp Luật.
- 6.13 Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.
- 6.14 Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều Lệ của Tập đoàn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG BẢNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn Điều Lệ

- 7.1 Vốn Điều Lệ của Tập đoàn: 34.447.690.560.000 VNĐ
(Bằng chữ: Ba tư nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).
Tổng số Vốn Điều Lệ của Tập đoàn được chia thành: 3.444.769.056 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần, trong đó
 - Cổ phần phổ thông: 3.332.430.590 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi: 52.338.466 cổ phần
 Thông tin chi tiết về Vốn Điều Lệ của Tập đoàn được cập nhật tại Phụ lục 2 kèm Điều Lệ này. Tập đoàn có thể thay đổi Vốn Điều Lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Phụ lục 2 được điều chỉnh phù hợp để phản ánh việc thay đổi Vốn Điều Lệ đó.
- 7.2 Vốn Điều Lệ của Tập đoàn có thể được góp bằng tiền, cổ phiếu, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- 7.3 Số cổ phần được quyền chào bán của Tập đoàn là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT quyết định thời điểm phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - a) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Tập đoàn;
 - b) Cổ phần chào bán cho bên nội giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ; hoặc
 - c) Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành cổ phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ phê chuẩn.
 - d) Các trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- 7.4 Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ cổ phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ. Trình tự, thủ tục chào bán cổ phần cho các Cổ Đông hiện hữu được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 7.5 Tập đoàn có thể mua cổ phần do chính Tập đoàn đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 7.6 Tập đoàn có quyền phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
- 7.7 Vốn Điều Lệ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Tập đoàn chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật sẽ được áp dụng.
- 7.8 Ngoài cổ phần phổ thông, Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm và phù hợp quy định của Pháp Luật. Cổ phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

Điều 8. Nghĩa vụ của các Cổ Đông

8.1 Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều Lệ của Tập đoàn, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, quy chế quản trị và các văn bản khác do Tập đoàn ban hành;
 - b) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần theo số lượng cổ phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
 - c) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
 - d) Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.
- 8.2 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tập đoàn có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông.
- 8.3 Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Tập đoàn và của các Cổ Đông khác, đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
- 8.4 Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Tập đoàn theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Trong trường hợp Cổ Đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả Đại Diện Theo Ủy Quyền.
- 8.5 Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo cho Tập đoàn và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Tập đoàn nhận được văn bản. Văn bản cử Đại Diện Theo Ủy Quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông;

- b) Số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân từng Đại Diện Theo Ủy Quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Đại Diện Theo Ủy Quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt được ủy quyền; và
- e) Họ, tên, và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông đó.

Điều 9. Cổ Đông sáng lập

- 9.1 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần phổ thông của Cổ Đông sáng lập được quy định tại Phụ lục 1, là một phần của Điều Lệ này.
- 9.2 Do đã quá thời hạn ba (03) năm kể từ Ngày Thành Lập, tất cả các hạn chế đối với cổ phần phổ thông do các Cổ Đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ.

Điều 10. Cổ Đông phổ thông

10.1 Người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là Cổ Đông phổ thông.

10.2 Các Cổ Đông phổ thông có quyền:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của ĐHCĐ;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên, địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Tập đoàn, Biên bản họp và các Nghị quyết của ĐHCĐ;
- g) Trong trường hợp Tập đoàn giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tập đoàn;
- h) Yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
- i) Được đối xử công bằng, bình đẳng;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tập đoàn công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- l) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

10.3 Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn trở lên có quyền sau:

- a) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục các Biên bản họp và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn;
- c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng

- ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tập đoàn; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 10.4 Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS.
- Việc đề cử người vào HĐQT và BKS được thực hiện như sau:
- a) Các Cổ Đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, BKS, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS;
- c) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các Cổ Đông khác đề cử.
- 10.5 Các Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
- a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c) Tuân thủ Điều Lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn;
- d) Chấp hành Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- e) Bảo mật các thông tin được Tập đoàn cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tập đoàn cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- f) Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác đến được Người phụ trách quản trị Tập đoàn.
- g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tập đoàn dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- (i) Vi phạm pháp luật.
- (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tập đoàn.
- h) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Thay đổi các quyền

- 11.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết EHD(Đ) về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 11.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có Cổ Đông (hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của họ) nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số Cổ Đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 11.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp EHD(Đ) riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự theo các quy định tại Điều Lệ này.
- 11.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 12. Cổ Phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- 12.1 Cổ Phiếu là chứng chỉ do Tập đoàn phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tập đoàn. Cổ Phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 12.2 Cổ Đông của Tập đoàn được cấp Cổ Phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 12.3 Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng một số cổ phần trong tổng số cổ phần được quy định trong một chứng nhận Cổ Phiếu, thì chứng nhận Cổ Phiếu cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bởi một chứng nhận Cổ Phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- 12.4 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ Phiếu do Tập đoàn phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu Cổ Phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót gây ra.
- 12.5 Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Tập đoàn cấp lại Cổ Phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- a) Thông tin về Cổ Phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ Phiếu mới.
- 12.6 Tất cả các mẫu Cổ Phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Tập đoàn (không phải là các thư chạc bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn.
- 12.7 Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì Cổ Phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
- 12.8 Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán của Tập đoàn được đăng ký và lưu trữ tại Tổng Công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ Việt Nam (VSD).
- 12.9 Trường hợp có thay đổi về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Tập đoàn và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Tập đoàn/công ty chứng khoán tiến hành việc điều chỉnh thông tin của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán tại VSD.

Tập đoàn sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Tập đoàn không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

- 13.1 Trừ trường hợp quy định tại khoản 13.7 của Điều này và Pháp Luật có quy định khác, tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng.
- 13.2 Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng cổ phần được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông/Danh sách người sở hữu chứng khoán hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD. Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng ký Cổ Đông/Danh sách người sở hữu chứng khoán mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Tập đoàn.
- 13.3 Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng khoán.
- 13.4 HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 13.5 Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó trở thành Cổ Đông của Tập đoàn. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ Đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 13.6 Khi một Cổ Đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới cổ phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 13.7 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông

- 14.1 Cổ Đông đã biểu quyết phản đối không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại Tập đoàn hoặc thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, và lý do yêu cầu Tập đoàn mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Tập đoàn trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 14.2 Tập đoàn sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại khoản 14.1 Điều này trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp Tập đoàn không được mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định của pháp luật chứng khoán. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của cổ phần đó.
- 14.3 Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, các bên có thể tham vấn một tổ chức định giá chuyên nghiệp hoặc một bên thích hợp cho mục đích xác định giá phù hợp với các quy định của Pháp Luật định giá. Giá bán của cổ phần sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Tập đoàn. Trong vòng năm (5) ngày, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối, thì giá bán sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Cổ Đông đó phản đối, thì Cổ Đông đó phải gửi văn bản tới Tập đoàn. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó, Tập đoàn vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá đã được xác định, và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Tập đoàn. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ Đông đó có

thả đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam theo quy định tại Điều 52 của Điều Lệ này.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tập đoàn

Tập đoàn có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Trình tự thực hiện mua lại cổ phần theo quyết định của Tập đoàn trong trường hợp này thực hiện theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 16.1 Tập đoàn sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với cổ phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 14 và 15 nêu trên nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tập đoàn vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 16.2 Cổ phần được mua lại theo Điều 14 và 15 nêu trên sẽ được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 Luật Doanh Nghiệp. Tập đoàn phải đăng ký giảm Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Tập đoàn mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần.
- 16.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
- 16.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tập đoàn giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Tập đoàn phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu Tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn

Cơ cấu Tổ chức, quản trị và kiểm soát của Tập đoàn bao gồm:

- 17.1 ĐHĐCĐ: bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn;
- 17.2 HĐQT: là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT chịu trách nhiệm quản lý Tập đoàn vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;
- 17.3 BKS: là cơ quan giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 17.4 TGD: là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn, chịu sự giám sát của HĐQT, BKS và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VII

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 18.1 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển Tập đoàn;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Quyết định số lượng thành viên HĐQT và BKS; bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Tập đoàn;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Tập đoàn và các Cổ Đông của Tập đoàn;
 - i) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Tập đoàn;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức độ thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT và BKS;
 - k) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết
 - m) Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 38.3 và khoản 38.4 Điều 38 Điều Lệ này.
 - n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 18.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Tập đoàn; kết quả hoạt động của HĐQT, TGD;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 18.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 19. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1 ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định việc gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ Đông tại cuộc họp; trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tập đoàn có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tập đoàn phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Tập đoàn.
- Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 19.2 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
- a) HĐQT xét thấy cần thiết cho các lợi ích của Tập đoàn;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 10.3 Điều 10 của Điều Lệ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của BKS;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 19.3 Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- a) HE/QT phải triệu tập họp ĐHĐCE trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm c, điểm d Khoản 19.2 Điều này;
 - b) Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCD theo quy định tại điểm a khoản 19.3 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
 - c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCE theo quy định tại điểm b khoản 19.3 Điều này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại điểm c khoản 19.2 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tập đoàn triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp ĐHĐCD có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát, trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCE.
- 19.4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCD được Tập đoàn hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCD, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1 Cổ Đông là cá nhân hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản, cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp ĐHĐCD hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.
- 20.2 Việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCE theo quy định tại khoản 20.1 Điều này phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Tập đoàn hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 20.3 Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCD phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn ủy quyền có thể được Cổ Đông gửi tới Tập đoàn hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước khi tổ chức cuộc họp ĐHĐCD. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tập đoàn).
- 20.4 Phiếu biểu quyết của một người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCD hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và Thông báo mời họp ĐHĐCD

- 21.1 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCD sẽ phải thực hiện các công việc sau:
 - a) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCD. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCD. Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - f) Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.
- 21.2 Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 21.3 Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại khoản 10.3 Điều 10 Điều Lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi tới Tập đoàn chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần của Cổ Đông, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 21.4 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các kiến nghị theo khoản 21.3 của Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 21.3 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 10.3 Điều 10 Điều Lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ và Pháp Luật.
- 21.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 21.3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- Điều 22. Điều kiện và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ**
- 22.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Tập đoàn.
- 22.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 22.1 Điều này, thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 22.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 22.2 Điều này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.
- 22.4 Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ: Trước khi khai mạc cuộc họp, Tập đoàn phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- a) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Tập đoàn sẽ cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi mã số Cổ Đông, tên Cổ Đông và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Phiếu biểu quyết có thể được mã hóa để

- phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”. Kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- b) Cổ Đông hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông, người được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị thay đổi.
- 22.5 Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại Đại hội.
- a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư lý cuộc họp;
- d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 22.6 Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 22.7 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp
- a) Bố trí đầy đủ chỗ ngồi tại các địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết.
- 22.8 Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 22.9 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 22.10 Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, trong đó một số hoặc tất cả Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau có thể:

- a) Nhìn thấy và nghe được Chủ tọa cùng những người khác tham dự Đại hội phát biểu tại cuộc họp; và
 - b) Giao tiếp được với Chủ tọa và các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng các hình thức áp dụng công nghệ khác.
- 22.11 Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức quy định tại điểm f khoản 10.5 Điều 10 Điều Lệ này.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

- 23.1 ĐHĐCĐ thông qua mọi vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
- 23.2 Nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu có số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 23.3 và điểm g khoản 23.6 Điều này và khoản 11.1 Điều 11 của Điều Lệ.
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - e) Tổ chức lại hoặc giải thể Tập đoàn.
 - f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
- 23.3 Căn cứ khoản 26.6 Điều 26, khoản 34.5 Điều 34 của Điều Lệ này, nghị quyết về việc bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS theo phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo Điều 148.3 Luật Doanh Nghiệp.
- 23.4 Nghị quyết về các nội dung khác trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2, khoản 23.3, điểm g khoản 23.6 Điều này, và khoản 11.1 Điều 11 của Điều Lệ, được thông qua khi có số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành.
- 23.5 Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Tập đoàn.
- 23.6 Thẻ thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn và Cổ Đông, Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản và phải thực hiện theo quy định sau:
- a) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc chuẩn bị danh sách Cổ Đông và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến cùng tài liệu kèm theo cho Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 21.1 Điều 21 và khoản 21.2 Điều 21 Điều Lệ này. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới Cổ Đông phải ghi rõ nơi đăng tải tài liệu và phương thức để Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tập đoàn;
 - b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Tên, địa chỉ của trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tập đoàn.
 - (ii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông.
 - (iii) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết.
 - (iv) Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - (v) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tập đoàn.
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - c) Chủ tịch HĐQT chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn;
 - d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chính như sau:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- (iii) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- e) Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;
- g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 24. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

24.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tập đoàn;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
- d) Tóm tắt tiến triển cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

24.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Biên bản.

24.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

24.4 Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm

theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

25.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày Nghị quyết và biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 10.3 Điều 10 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 23.5 Điều 23 Điều Lệ này;
- b) Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

25.2 Trong trường hợp nêu tại khoản 25.1 Điều này, các Nghị quyết ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và thành phần Hội đồng quản trị

26.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ này;

Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

26.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

26.3 Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật.

26.4 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tập đoàn.

26.5 Số lượng thành viên HĐQT của Tập đoàn từ 03 đến 11 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Tổng số thành viên độc lập HĐQT của Tập đoàn phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;

- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.
- 26.6 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức: bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu theo Quy chế bầu cử do ĐHCĐ thông qua.
- 26.7 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
- a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHCĐ.
- 26.8 Việc thay đổi thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**
- 27.1 HĐQT là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- 27.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này và các nghị quyết của ĐHCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tập đoàn;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - g) Chấp thuận các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ;
 - h) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 38.3 và khoản 38.5 Điều 38 Điều Lệ này;
 - i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - k) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - l) Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn;
 - m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn, quyết định thành lập Công Ty Con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ;
 - o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHCĐ;
 - p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tập đoàn; yêu cầu phá sản Tập đoàn;
 - r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Tập đoàn và các Quy chế khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định khác của pháp luật, Điều Lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.
- 27.3 HĐQT phải báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và đảm bảo có các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
 - c) Báo cáo về các giao dịch giữa Tập đoàn, Công Ty Con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT;
 - đ) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
 - e) Kết quả giám sát đối với TGD và những người điều hành khác;
 - f) Các kế hoạch trong tương lai của HĐQT (nếu có).
- 27.4 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.
- a) Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - b) Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - c) Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
 - d) Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của HĐQT;
 - e) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - f) Thành viên HĐQT có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.
- Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT**
- 28.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra một số Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết) và được HĐQT chấp thuận.
- 28.2 Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD Tập đoàn.
- 28.3 Chủ tịch HĐQT Tập đoàn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết.
 - e) Ký ban hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - g) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - h) Quyền và nghĩa khác theo quy định của Điều Lệ và pháp luật.
- 28.4 Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 28.5 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 28.6 Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. (Các) Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.
- Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị**
- 29.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 29.2 HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.
HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 29.3 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT trong các trường hợp sau:
- a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 Người Quản Lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên của HĐQT;
 - d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Tập đoàn và Cổ Đông.
- Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 29.4 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp HĐQT quy định tại khoản 29.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị, Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn. Người đề nghị triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 29.3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 29.5 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

28

- Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tập đoàn.
- 29.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.
Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 29.7 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
- 29.8 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác đảm bảo đến được Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký Tập đoàn.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp HĐQT thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 29.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 29.10 Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 29.11 Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.
- 29.12 Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản:
Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:
- Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
 - Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
 - Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
 - Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.
- Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.
- 29.13 Biên bản họp HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và có thể lập

thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp HĐQT có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tập đoàn;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do (nếu có);
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp.
- 29.14 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng vẫn được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 29.13 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 29.15 Chủ tọa, người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung biên bản họp. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
- 29.16 Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT được 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể tham dự trực tiếp, thông qua cuộc họp hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác) và ủy quyền tham dự là hợp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thủ tục tiến hành họp không thực hiện đúng như quy định.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tập đoàn phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn. Tập đoàn có TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 31. Tổng Giám đốc, Người Điều hành khác và Người phụ trách quản trị Tập đoàn

- 31.1 Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định khoản 5 Điều 16, Luật Doanh Nghiệp.
- 31.2 Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu nhiệm kỳ của TGD đang chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm.
- 31.3 Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tập đoàn;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tập đoàn, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tập đoàn, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD;

5

- g) Quyết định tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyết định phương án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - j) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - g) Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó;
 - (i) Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và Pháp Luật.
- 31.4 Người Điều Hành khác: Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tập đoàn được tuyển dụng Người Điều Hành khác với số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu quản lý, hoạt động của Tập đoàn. Người Điều Hành khác phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 31.5 Tiền lương của Người Điều Hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- 31.6 Người phụ trách quản trị Tập đoàn:
HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị tại Tập đoàn. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là Thư ký Tập đoàn theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp. Người phụ trách quản trị Tập đoàn không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và Cổ Đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Lao động

- 32.1 HĐQT quyết định tổng số lao động và quỹ lương của Tập đoàn. TGD trong giới hạn, sẽ toàn quyền lựa chọn tuyển dụng lao động theo các quy định của Tập đoàn. Đối với những vị trí quan trọng được HĐQT xác định, TGD phải được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
- 32.2 Lương, thưởng, và các chế độ khác của người lao động được TGD quyết định theo quy chế lương được HĐQT phê duyệt.
- 32.3 HĐQT chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Tập đoàn. HĐQT có quyền dự thảo các quy chế nội bộ của Tập đoàn ràng buộc tất cả các nhân viên của Tập đoàn. Các quy chế này phải được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- 33.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 26.1 và khoản 26.2 Điều 26 Điều Lệ này.
- 33.2 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Thành phần Ban Kiểm soát

- 34.1 Số lượng thành viên BKS của Tập đoàn từ 3 đến 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 34.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó.
- 34.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 34.2 Điều này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 34.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 34.5 Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu theo Quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ thông qua.
- 34.6 Trưởng Ban Kiểm soát do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- 34.7 Trưởng BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:
- Triệu tập cuộc họp BKS;
 - Yêu cầu HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- 35.1 Ban Kiểm soát các các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tập đoàn, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;

- c) Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý khác;
 - d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và Cổ Đông;
 - e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ Tập đoàn của thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác của Tập đoàn, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f) Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - g) Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên và phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS (nếu có).
 - (iii) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn.
 - (iv) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn, Công Ty Con, công ty do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác của Tập đoàn và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành khác của Tập đoàn là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - (v) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và Người Điều Hành khác của Tập đoàn.
 - (vi) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các Cổ Đông.
 - h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc;
 - i) Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và Người Quản Lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 35.2 Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên BKS.
- a) Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS;
 - b) Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác;
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 36. Cuộc họp Ban Kiểm soát

- 36.1 BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.
- 36.2 BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG XI
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

- 37.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 37.2 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.
- 37.3 Thành viên của HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Tập đoàn, Công Ty Con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn (liên hệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.
- 37.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
- 37.5 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 38. Giao dịch giữa Tập đoàn với Người có liên quan, Cổ Đông, Người Quản Lý và Người có liên quan của các đối tượng này

- 38.1 Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân.
- 38.2 Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ Đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ Đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ Đông là Công Ty Con trong trường hợp Công Ty Con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tập đoàn trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- 38.3 Tập đoàn không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của Cổ Đông là tổ chức, trừ trường hợp Tập đoàn và tổ chức là Người có liên quan của Cổ Đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ thông qua nếu giá trị giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn hoặc phải được HĐQT thông qua nếu giá trị giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn.
- 38.4 Tập đoàn chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:
- a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác không phải là Cổ Đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.
Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế thì ĐHĐCĐ chấp thuận các giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - b) Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:
 - (i) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Quản Lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;

- (ii) Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;
 - (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp;
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn giữa Tập đoàn và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ Đông đó.
- 38.5 HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:
- a) Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại điểm a Khoản 38.4 Điều này mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b Khoản 38.4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản quy định tại điểm c Khoản 38.4 Điều này có giá trị bằng hoặc dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 39.1 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Điều Hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 39.2 Tập đoàn sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tập đoàn là người khởi kiện), nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Người Điều Hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tập đoàn (hoặc Công Ty Con của Tập đoàn) ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu/ủy quyền của Tập đoàn (hoặc Công Ty Con của Tập đoàn) hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 39.3 Tập đoàn có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 40. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 40.1 Cổ Đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
- a) Cổ Đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Tập đoàn, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tập đoàn.
- 40.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 40.3 Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Điều Hành khác có quyền tra cứu Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Tập đoàn, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tập đoàn vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

- 40.4 Tập đoàn phải lưu giữ Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 40.5 Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

- 41.1 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tập đoàn.
- 41.2 Tập đoàn không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ Phiếu.
- 41.3 HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng Cổ Phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 41.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại Cổ Phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tập đoàn phải chi trả bằng tiền Đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Tập đoàn đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Tập đoàn không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tập đoàn đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các Cổ Phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 41.5 HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán. Căn cứ theo ngày chốt danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức, những người sở hữu Cổ Phiếu hoặc các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác liên quan.
- 41.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 42. Tài khoản Ngân hàng

- 42.1 Tập đoàn mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp Luật.
- 42.2 Theo sự phê chuẩn trước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tập đoàn có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 42.3 Tập đoàn thực hiện tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

Điều 44. Chế độ Kế toán

- 44.1 Tập đoàn sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ Chế độ kế toán nào được cơ quan có thẩm quyền ban hành và chấp thuận, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.

- 44.2 Tập đoàn lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tập đoàn.
- 44.3 Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Tập đoàn có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 45. Kiểm toán

- 45.1 ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho TGD quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị trong danh sách tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo.
- 45.2 Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tập đoàn.
- 45.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 46.1 Tập đoàn phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Tập đoàn công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tập đoàn.
- 46.3 Tập đoàn phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Tập đoàn phải lập và công bố báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 48. Trách nhiệm về công bố thông tin

- 48.1 Tập đoàn có trách nhiệm và nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ Đông và nhà đầu tư.
- 48.2 Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đảm bảo Cổ Đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu nhầm cho Cổ Đông và công chúng đầu tư.

CHƯƠNG XVI
GIẢI THỂ

Điều 49. Giải thể Tập đoàn

- 49.1 Tập đoàn có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
- a) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- 49.2 Tập đoàn chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.
- 49.3 Trình tự, thủ tục giải thể Tập đoàn được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 50. Gia hạn thời hạn hoạt động

- 50.1 Thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô thời hạn theo quy định tại Khoản 3.6 Điều 3 Điều Lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Tập đoàn, HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ để thông qua về thời hạn hoạt động mới của Tập đoàn.
- 50.2 Thời hạn hoạt động của Tập đoàn được thay đổi khi có số Cổ Đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành trừ trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản quy định tại Điều Lệ này.

Điều 51. Thanh lý

- 51.1 Tối thiểu sáu (6) tháng sau khi có Nghị quyết giải thể Tập đoàn, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên, trong đó (2) thành viên do ĐHCĐ chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiến toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tập đoàn hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tập đoàn ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tập đoàn.
- 51.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tập đoàn trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tập đoàn trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 51.3 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Tập đoàn;
 - đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 52.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tập đoàn hoặc các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc quy định của Pháp Luật, giữa:
- a) Cổ Đông và Tập đoàn; hoặc
 - b) Cổ Đông và HĐQT, BKS, TGD hoặc Người Điều Hành khác;
- thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một hòa giải viên để hành động với tư cách trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
- 52.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án.
- 52.3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVIII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 53.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Tập đoàn phải được ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.
- 53.2 Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Tập đoàn mà không được quy định tại Điều Lệ này hoặc có quy định Pháp Luật mới ban hành mà trái với Điều Lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

CHƯƠNG XIX
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

- 54.1 Điều Lệ này gồm 19 chương với 54 Điều là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Tập đoàn.
- 54.2 Điều Lệ này được ĐHĐCĐ thông qua ngày tháng năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều Lệ ngày tháng năm và các bản sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ ngày tháng năm .
- 54.3 Điều Lệ này được lập thành một (01) bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
- 54.4 Tập đoàn sẽ cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục của Điều Lệ theo quy định nội bộ của Tập đoàn về việc cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục và theo quy định của Pháp Luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TẬP ĐOÀN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT QUANG

PHỤ LỤC 1
Danh sách Cổ Đông sáng lập

TT	Tên Cổ Đông sáng lập	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1.	Bà Phạm Hồng Linh	Tổ 41, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội	12.131.115

PHỤ LỤC 2
Chi tiết về Vốn Điều Lệ Tập đoàn tại từng thời điểm

Stt	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VNĐ)	Ghi chú
1.	03/05/2002	196.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD lần đầu, số 0103001016 ngày 03/05/2002
2.	04/03/2003	251.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ nhất, số 0103001016 ngày 04/03/2003
3.	15/08/2005	250.749.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 6, số 0103001016 ngày 15/08/2005
4.	25/12/2006	313.500.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 10, số 0103001016 ngày 25/12/2006
5.	15/02/2007	600.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 11, số 0103001016 ngày 15/02/2007
6.	22/6/2007	800.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 13, số 0103001016 ngày 22/6/2007
7.	09/4/2008	1.199.831.560.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 15, số 0103001016 ngày 09/4/2008
8.	2/10/2009	1.996.272.380.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 17, số 0103001016 ngày 02/10/2009
9.	12/5/2010	3.599.279.120.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 18, số 0101245486 ngày 12/5/2010
10.	19/7/2010	3.643.329.490.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 19, số 0101245486 ngày 19/7/2010
11.	02/8/2010	3.669.614.480.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 20, số 0101245486 ngày 02/8/2010
12.	10/8/2010	3.672.743.640.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 21, số 0101245486 ngày 10/8/2010
13.	25/8/2010	3.682.131.130.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 22, số 0101245486 ngày 25/8/2010
14.	07/12/2010	3.686.824.880.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 23, số 0101245486 ngày 07/12/2010
15.	28/12/2010	3.709.667.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 24, số 0101245486 ngày 28/12/2010
16.	31/12/2010	3.726.252.370.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 25, số 0101245486 ngày 31/12/2010
17.	14/01/2011	3.734.388.190.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 26, số 0101245486 ngày 14/01/2011

28/

18.	19/01/2011	3.795.094.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 27, số 0101245486 ngày 19/01/2011
19.	25/01/2011	3.813.868.990.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 28, số 0101245486 ngày 25/01/2011
20.	02/3/2011	3.815.433.570.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 29, số 0101245486 ngày 02/3/2011
21.	07/4/2011	3.821.066.060.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 31, số 0101245486 ngày 07/4/2011
22.	25/4/2011	3.827.324.390.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 32, số 0101245486 ngày 25/4/2011
23.	05/5/2011	3.833.582.720.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 33, số 0101245486 ngày 05/5/2011
24.	12/5/2011	3.880.520.210.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 34, số 0101245486 ngày 12/5/2011
25.	23/5/2011	3.895.540.200.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 35, số 0101245486 ngày 23/5/2011
26.	01/6/2011	3.895.843.110.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 36, số 0101245486 ngày 01/6/2011
27.	10/6/2011	3.911.498.930.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 37, số 0101245486 ngày 10/6/2011
28.	13/01/2012	5.493.833.050.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 38, số 0101245486 ngày 13/01/2012
29.	19/6/2012	7.604.620.550.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 40, số 0101245486 ngày 19/6/2012
30.	05/02/2013	9.281.102.150.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 43, số 0101245486 ngày 05/02/2013
31.	19/3/2013	9.281.450.480.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 44, số 0101245486 ngày 19/3/2013
32.	10/5/2013	9.282.843.810.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 45, số 0101245486 ngày 10/5/2013
33.	06/6/2013	9.284.585.470.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 46, số 0101245486 ngày 06/6/2013
34.	01/7/2013	9.286.327.130.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 47, số 0101245486 ngày 01/7/2013
35.	29/7/2013	9.288.068.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 48, số 0101245486 ngày 29/7/2013
36.	20/12/2013	9.296.036.790.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 49, số 0101245486 ngày 20/12/2013

37.	19/02/2014	9.296.385.120.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 51, số 0101245486 ngày 19/02/2014
38.	18/9/2014	14.033.233.140.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 53, số 0101245486 ngày 18/9/2014
39.	17/10/2014	14.299.574.100.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 54, số 0101245486 ngày 17/10/2014
40.	18/11/2014	14.545.550.980.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 55, số 0101245486 ngày 18/11/2014
41.	21/05/2015	14.587.886.850.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 56, số 0101245486 ngày 21/5/2015
42.	20/7/2015	18.415.574.490.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 57, số 0101245486 ngày 20/7/2015
43.	27/8/2015	18.460.745.440.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 58, số 0101245486 ngày 27/8/2015
44.	23/12/2015	18.681.880.870.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 59, số 0101245486 ngày 23/12/2015
45.	18/3/2016	19.398.548.510.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 60, số 0101245486 ngày 18/3/2016
46.	02/8/2016	21.532.347.920.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 61, số 0101245486 ngày 02/8/2016
47.	01/11/2016	26.377.079.540.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 62, số 0101245486 ngày 01/11/2016
48.	18/7/2018	31.916.212.300.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 65, số 0101245486 ngày 18/7/2018
49.	29/08/2018	32.756.212.300.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 66, số 0101245486 ngày 29/08/2018
50.	10/06/2019	34.299.353.890.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 67, số 0101245486 ngày 10/06/2019
51.	18/12/2019	34.309.140.220.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 68, số 0101245486 ngày 18/12/2019
52.	31/01/2020	34.447.690.560.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 69, số 0101245486 ngày 31/01/2020

TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH CỦA ĐIỀU LỆ TẬP ĐOÀN VINGROUP

Điều, khoản (theo Điều lệ hiện hành)	Điều, khoản (theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung)	Nội dung chính	Nội dung điều chỉnh chính và lý do điều chỉnh
Điều 4	Điều 4	Ngành nghề kinh doanh	Điều chỉnh một số ngành nghề cho phù hợp với phạm vi hoạt động thực tế của Tập đoàn
Điều 7	Điều 7	Vốn Điều lệ	Sửa đổi ghi nhận vốn điều lệ và số lượng cổ phần theo thực tế và các quy định về phát hành chứng khoán theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019
Điều 8	Điều 8	Nghĩa vụ của cổ đông	Bổ sung một số nghĩa vụ của cổ đông, ủy quyền của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 10	Điều 10	Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ("Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính")
Điều 11	Bỏ	Cổ phần ưu đãi	Bỏ Điều 11 và bổ sung vào Điều 7.8 Điều lệ cho phù hợp. "Ngoài cổ phần phổ thông, Tập đoàn có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm và phù hợp quy định của Pháp Luật...."
Điều 11A	Điều 11	Thay đổi các quyền đối với cổ phần ưu đãi	Cập nhật, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 12	Điều 12	Cổ phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông	
Điều 13	Điều 13	Chuyển nhượng cổ phần	Bổ Điều 14 tại Điều lệ hiện hành do quy định này chỉ áp dụng với công ty cổ phần mới thành lập
Điều 14	Bỏ	Thu hồi cổ phần	
Điều 15	Điều 14	Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	Cập nhật, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 16	Điều 15	Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Tập đoàn	
Điều 17	Điều 16	Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần mua lại	

Điều 19	Điều 18	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 20	Điều 19	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 21	Điều 20	Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 22	Điều 21	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình và thông báo mời họp	
Điều 23	Điều 22	Điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật, sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020, trong đó điều chỉnh tỷ lệ thông qua đối với các vấn đề là "trên 50%" thay vì "từ 51%" như Điều lệ cũ (trừ các vấn đề quan trọng vẫn phải được thông qua với tỷ lệ từ 65% trở lên)
Điều 24	Điều 23	Điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
Điều 25	Điều 24	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 26	Điều 25	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung các quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 27	Điều 26	Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	
Điều 28	Điều 27	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Bổ sung các quy định về báo cáo của Hội đồng quản trị, thủ lao của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 29	Điều 28	Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	Làm rõ về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Điều 30	Điều 29	Cuộc họp Hội đồng quản trị	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính

Điều 32	Điều 31	Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, người phụ trách quản trị Tập đoàn	Bổ sung thêm quy định về Người phụ trách quản trị Tập đoàn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Chương XI	Chương X	Ban Kiểm soát	Bổ sung các quy định về ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Chương X	Chương XI	Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý về trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	Làm rõ về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong các giao dịch với bên liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2002, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Chương XII	Chương XII	Quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính
Chương XIII	Chương XIII	Phân phối lợi nhuận	
Chương XIV	Chương XIV	Tài khoản ngân hàng, năm tài chính, chế độ kế toán và kiểm toán	
Chương XV	Chương XV	Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và chế độ Công bố thông tin	
Chương XVI	Chương XVI	Chăm dứt hoạt động và giải thể	
Chương XVII	Chương XVII	Thông báo và giải quyết tranh chấp nội bộ	
Chương XVIII	Chương XVIII	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, ngày hiệu lực	
Phụ lục 2	Phụ lục 2	Chi tiết các lần thay đổi vốn điều lệ	
			Cập nhật các lần thay đổi vốn điều lệ của Tập đoàn

38

PHỤ LỤC 02

(đính kèm Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VINGROUP ngày 12 tháng 5 năm 2021)

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo)
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“Nghị định 155”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Điều lệ Tập đoàn”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số /2021/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP ngày ... tháng ... năm 2021.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị (Sau đây gọi là “Quy Chế”) của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tập đoàn”) bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”), HĐQT, Tổng Giám đốc (“TGD”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (“BKS”), TGD và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng Cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.

1.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn.

1.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Tập đoàn.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.1 Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ:

a) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên.

b) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
- Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ Tập đoàn; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;

ly

- Theo yêu cầu của BKS;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- c) Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 19.3 Điều 19 Điều lệ Tập đoàn.

2.2 Lập Danh sách Cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2.3 Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

Tập đoàn phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4 Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5 Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

- a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tập đoàn;
- b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tập đoàn chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm (b) nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Kiến nghị được gửi đến Tập đoàn không đúng quy định;
 - Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- d) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm (b) nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm (c); kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

2.6 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 20.1 Điều lệ Tập đoàn;

- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm (a) nêu trên phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Tập đoàn hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ đông gửi tới Tập đoàn hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo mời họp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước khi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ;

- c) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tập đoàn nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.7 Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

- a) Cổ đông xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức được nêu tại thông báo mời họp;
- b) Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Tập đoàn thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền dự họp có mặt;
- c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2.8 Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Tập đoàn;
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (a) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (b) nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

2.9 Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp.

ĐHĐCĐ thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10 Cách thức biểu quyết:

- a) Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu thực hiện như sau:

- Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
- Các Cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
 - + Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời

điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;

- + Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong;

Các thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

- + Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Tập đoàn;
- + Thẻ bị rách, gập, tẩy xóa, sửa chữa;
- + Thẻ không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
- + Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ;

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

Trường hợp Cổ đông trong quá trình ghi thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông;

- b) Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) thực hiện như sau: Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội;
- c) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Quy Chế bầu thành viên HĐQT/BKS thông qua tại Đại hội hoặc Quy chế được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến Cổ đông (trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).

2.11 Cách thức kiểm phiếu:

- a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được HĐQT thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp;
- b) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng.
 - Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.
 - Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết.
 - Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
 - Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
 - Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.
- c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;
 - Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia dự họp;
 - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - + Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;

- + Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

2.12 Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- a) Nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tập đoàn;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tập đoàn;
 - Tổ chức lại, giải thể Tập đoàn;
- b) Các nghị quyết về các vấn đề khác trừ các vấn đề nêu tại điểm a khoản này được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành;
- c) Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

2.13 Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc Đại hội.

2.14 Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn.

2.15 Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tập đoàn;
 - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- b) Biên bản họp ĐHCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;
- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2.16 Công bố Nghị quyết ĐHCĐ:

Biên bản họp ĐHCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

3.1 Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn và Cổ đông, Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

3.2 Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

- a) Chủ tịch HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 21.1 và khoản 21.2 Điều lệ Tập đoàn;
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (vi) Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tập đoàn bằng hình thức: gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - (i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Chủ tịch HĐQT chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

26

- (iii) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
 - f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;
 - g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:**
- 4.1 Tập đoàn có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e- GMS) hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quyết định hạn chế/cấm từ cơ quan Nhà nước ... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp.
 - 4.2 Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức như quy định tại mục 4.1 nêu trên, HĐQT chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo hình thức họp tương ứng.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.

- 1.1 HĐQT là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 1.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.
- 1.3 HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại điểm c, khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ Tập đoàn.

2. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT.

- 2.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;

- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
- g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
- 2.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
- 2.3 Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy Chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và Quy Chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 2.4 Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
3. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT.
- 3.1 Số lượng thành viên HĐQT là từ 03 đến 11 người. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT cụ thể tại từng thời điểm.
- 3.2 Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3.3 Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
Cơ cấu HĐQT của Tập đoàn phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tập đoàn hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.
Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:
- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tập đoàn có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.
- 3.4 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
- 3.5 Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 3.6 Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Tập đoàn.
4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT:
- 4.1 Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 4.2 Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT (nếu có) và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 4.3 Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

25/

- 4.4 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 4.5 Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT (nếu có).
- 4.6 Thành viên HĐQT có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:

- 5.1 Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 5.2 HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 5.3 Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
- 5.4 Đề nghị quy định tại khoản 5.3 nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 5.5 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 5.3 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 5.6 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tập đoàn.
- 5.7 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.
- 5.8 Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 5.9 Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
- 5.10 Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
 - a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức: hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.
- 5.11 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tập đoàn.
- 5.12 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Người phụ trách quản trị Tập đoàn chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 5.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 5.14 Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:
- a) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
 - b) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
 - c) Chủ tịch HĐQT cử Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
 - d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.
- Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến, bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.
- 5.15 Biên bản họp HĐQT phải được lập theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh Nghiệp.
- 5.16 Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
6. Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo nghị quyết/quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
7. Người phụ trách quản trị Tập đoàn: HĐQT của Tập đoàn phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 32.6 Điều 32 Điều lệ Tập đoàn.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.
BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Tập đoàn.
2. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)
 - 2.1 Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Điều 33 Điều lệ Tập đoàn.
 - 2.2 Trường hợp số lượng các ứng viên EKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy Chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và Quy Chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.
3. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS:

- 3.1 Số lượng thành viên BKS của Tập đoàn là từ 03 đến 05 người. ĐHĐCĐ quyết định cụ thể số lượng thành viên BKS tại từng thời điểm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 3.2 Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó.
- 3.3 Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
- 3.4 Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 5. Tổng Giám đốc

- TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tập đoàn, do HĐQT bổ nhiệm; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm. TGD phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
- TGD có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 31.3 Điều 31 Điều lệ Tập đoàn.
- HQĐT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm TGD mới thay thế.
- Tiền lương và lợi ích khác của TGD: TGD được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGD do HĐQT quyết định. Tiền lương của TGD được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.

- Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
- HQĐT có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho BKS thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT theo quy định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS.
- BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- HQĐT đảm bảo tất cả các Nghị quyết/quyết định HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS, đồng thời cung cấp cho các thành viên HĐQT.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD.

- 2.1 HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để TGD thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- 2.2 TGD có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Tập đoàn, các Cổ đông, TGD có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.
- 2.3 TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Tập đoàn và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ.
- 2.4 TGD và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và TGD.

- 3.1 TGD có thể mời BKS tham dự cuộc họp của Ban Giám đốc (nếu xét thấy cần thiết). BKS có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho TGD.
- 3.2 TGD thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tập đoàn.
- 3.3 TGD có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BKS được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.
- 3.4 Các báo cáo của TGD trình HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT.

Điều 7. Quy định về đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và TGD.

1. Căn cứ vào nội quy, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Tập đoàn và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Tập đoàn, Tập đoàn sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể vì cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý.
2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Tập đoàn, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, hội đồng khen thưởng kỷ luật Tập đoàn xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy Chế này gồm 08 điều do HĐQT tổ chức việc soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. HĐQT, BKS, TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy Chế này.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy Chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình thực hiện, Tập đoàn sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Tập đoàn và trình ĐHĐCĐ thông qua Quy Chế tại từng thời điểm.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM NHẬT VƯỢNG

PHỤ LỤC 03

(đính kèm Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VINGROUP ngày 12 tháng 5 năm 2021)

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“**Điều lệ Tập đoàn**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên số /2021/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP ngày ... tháng ... năm 2021.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“**Tập đoàn**”).

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tập đoàn.
2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc (“**TGĐ**”) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, (các) Phó TGD, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các công ty khác trong Tập đoàn.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có từ 03 đến 11 thành viên. ĐHCĐ quyết định cụ thể số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh Nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn và không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác;
3. Thành viên HĐQT Tập đoàn có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tập đoàn.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Tập đoàn không được kiêm TGD.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Ký ban hành các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT;
 - d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - e) Tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết;
 - f) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT;
 - g) Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;

- h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
 5. HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị tại Tập đoàn. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là Thư ký Tập đoàn theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc thay đổi thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác thì việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
 - g) Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.
3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 27.2, Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.
2. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
 - b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của BKS;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.
2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.

Trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e) Dự thảo nghị quyết của HĐQT theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh Nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b) Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tập đoàn.
7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

58

Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
12. Trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
13. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
 - a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Nghị quyết HĐQT được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.
14. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

 - (i) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
 - (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến ;
 - (iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên HĐQT và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
 - (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.Nghị quyết HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Điều 16. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tập đoàn;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do (nếu có);
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHCĐ báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn;
 - d) Báo cáo thẩm định của BKS.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM NHẬT VƯỢNG

PHỤ LỤC 04

(đính kèm Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT-VINGROUP ngày 12 tháng 5 năm 2021)

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

(Dự thảo)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”);
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ Điều lệ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“**Điều lệ Tập đoàn**”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên số/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP ngày ... tháng ... năm 2021;

Ban Kiểm soát (“**BKS**”) ban hành Quy chế hoạt động của BKS của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“**Tập đoàn**”).

Quy chế hoạt động của BKS Tập đoàn bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của BKS quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của BKS và các thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế hoạt động của BKS được áp dụng cho BKS và các thành viên BKS.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của BKS

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, nghị quyết HĐQT và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn.
3. Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tập đoàn hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và

48

- lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tập đoàn.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. BKS có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị ("HDQT"), Tổng Giám đốc ("TGD") và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Tập đoàn, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tập đoàn.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn và công ty mẹ.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ Tập đoàn quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc EHECĐ;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của EHECĐ thì số ứng cử viên còn lại do HDQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tập đoàn;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
 - g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Tập đoàn.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tập đoàn của thành viên HĐQT,

- TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
 23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tập đoàn và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - c) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc.
3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tập đoàn.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tập đoàn hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.
2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát.

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.



Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tập đoàn, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tập đoàn, công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tập đoàn.
4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Tập đoàn,

công ty con, công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp Luật Chứng Khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát.

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên BKS.

Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc

BKS có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Tập đoàn, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của BKS Tập đoàn Vingroup bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THẾ ANH

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2021/ITr-HĐQT-VINGROUP

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Về Thay đổi ngành, nghề kinh doanh)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua về việc điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“Tập đoàn Vingroup”) với các nội dung như sau:

STT	Ngành nghề đã đăng ký	Ngành nghề đề xuất (liều chỉnh)	Mã ngành	Lý do điều chỉnh
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quản lý bất động sản	6820	Làm rõ phạm vi đăng ký kinh doanh
2.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...	Bỏ	6399	Không thực hiện
3.	Thu gom rác thải không độc hại	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Ngoại trừ thu gom rác trực tiếp từ các hộ gia đình. Chỉ cung cấp dịch vụ tại các điểm thu gom rác thải do chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố chỉ định	3811	Làm rõ phạm vi đăng ký kinh doanh
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu	4649	Làm rõ phạm vi đăng ký kinh doanh

46/

sinh Buôn bán hàng điện tử, tín học, điện lạnh, dân dụng	cam kết WTO		
---	-------------	--	--

Giao Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Vingroup quyết định việc điều chỉnh đầy đủ, chính xác các ngành nghề kinh doanh nêu trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành.

Thời điểm thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn Vingroup: Giao cho Chủ tịch HĐQT ban hành Nghị quyết vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

ĐHĐCĐ thông qua về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Vingroup cho phù hợp với việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu trên và giao Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện, ký, ban hành bản Điều lệ theo quy định của pháp luật.

HĐQT kính trình Quý Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng.

(đã ký)

Phạm Nhật Vượng

VING

MSDN:

48/

TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP

Số: 11/2021/T1T-HĐQT-VINGROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“**ESOP**”) của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“**Tập đoàn**”) với các nội dung như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho các Cán bộ lãnh đạo, Cán bộ quản lý chủ chốt (sau đây gọi chung là “**CBLĐ, CEQL**”) của Tập đoàn, các công ty con của Tập đoàn nhằm ghi nhận đóng góp của họ cho Tập đoàn, công ty con và công ty thành viên.
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phần mới
- Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ việc phát hành ESOP : Được sử dụng phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của Tập đoàn
- Loại cổ phần phát hành : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành : Tối đa là 0,2% vốn điều lệ của Tập đoàn.
- Thời điểm phát hành dự kiến : Không muộn hơn tháng 06/2022.
- Giá phát hành : Giao HĐQT quyết định vào thời điểm phát hành.
- Đối tượng phát hành : Là các Cán bộ lãnh đạo, Cán bộ quản lý chủ chốt có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn.
- Hạn chế chuyển nhượng : Toàn bộ cổ phần phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho CBLĐ, CEQL sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn.

Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi bổ sung Điều lệ của Tập đoàn về vốn điều lệ trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế phát hành thêm.

3. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế phát hành thêm với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch chứng khoán.



56/

4. Thông qua việc ủy quyền và triển khai thực hiện.

Giao HĐQT và chấp thuận việc HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau đây:

- (i) Ban hành Quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho CBLĐ, CBQL như nêu tại mục 1;
- (ii) Quyết định phương án, phương thức phát hành; tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn CBLĐ, CBQL được lựa chọn; danh sách CBLĐ, CBQL được tham gia chương trình; số lượng cổ phần phát hành cho từng CBLĐ, CBQL; giá phát hành và thời gian thực hiện...
- (iii) Xử lý số cổ phần phát hành thêm nếu không được CBLĐ, CBQL mua hết;
- (iv) Thực hiện các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ tại cơ quan đăng ký kinh doanh, lưu ký bổ sung chứng khoán tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch chứng khoán tương ứng với số lượng cổ phần thực tế phát hành thêm.
- (v) Bổ sung, điều chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và/hoặc theo các quy định của pháp luật liên quan;
- (vi) Quyết định các vấn đề khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc (trường hợp được HĐQT ủy quyền) thấy cần thiết và liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho CBNV Tập đoàn theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

Phạm Nhật Vượng

